

BỘ CÂU HỎI VÀ ĐÁP ÁN HỘI THI TRỰC TUYẾN TÌM HIỂU VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG HUYỆN AN LÃO NĂM 2024

Phần 1: VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Câu 1. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, mục tiêu cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến đến năm 2025 là:

A. Tối thiểu 50% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến và tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 20% trở lên.

B. Tối thiểu 60% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến và tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

C. Tối thiểu 70% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến và tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 20% trở lên.

D. Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến và tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

Đáp án D

Câu 2. Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ có bao nhiêu nhiệm vụ?

A. 4 nhiệm vụ

B. 5 nhiệm vụ

C. 6 nhiệm vụ

D. 7 nhiệm vụ

Đáp án C

Câu 3. Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ được chia thành 2 giai đoạn nào?

A. Giai đoạn 1 (2020-2025), giai đoạn 2 (2026-2030)

B. Giai đoạn 1 (2021-2025), giai đoạn 2 (2026-2030)

C. Giai đoạn 1 (2020-2025), giai đoạn 2 (2025-2030)

D. Giai đoạn 1 (2021-2025), giai đoạn 2 (2025-2030)

Đáp án B

Câu 4. Nội dung nào sau đây là một trong những nhiệm vụ CCHC tại Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ?

A. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

B. Cải cách hệ thống hành chính

C. Cải cách kinh tế khu vực tư

D. Cải cách doanh nghiệp nhà nước

Đáp án A

Câu 5. Nội dung nào sau đây là một trong những nhiệm vụ CCHC tại Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ?

A. Cải cách thể chế

B. Cải cách công sở hành chính

C. Cải cách kinh tế khu vực tư

D. Cải cách doanh nghiệp nhà nước

Đáp án A

Câu 6. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, nhiệm vụ rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính gồm những nội dung nào sau đây:

A. Rà soát, đánh giá, thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện để cắt giảm, đơn giản hóa; cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh; cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; rà soát, thống kê và đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ

B. Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện; loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp

C. Rà soát, đánh giá, thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện để cắt giảm, đơn giản hóa; cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh; cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; rà soát, thống kê và đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ; cập nhật, công khai thủ tục hành chính.

D. Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện; loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp; kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định thủ tục hành chính

Đáp án A

Câu 7. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, nhiệm vụ nào sau đây KHÔNG thuộc nhóm nhiệm vụ “phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp”:

A. Phát triển, hoàn thiện hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh

B. Phát triển, tích hợp các ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt

C. Xây dựng kho dữ liệu để lưu trữ dữ liệu điện tử của công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước

D. Xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước

Đáp án C

Câu 8. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 đặt mục tiêu đến năm 2025, tối thiểu bao nhiêu % đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên?

A. 10%

B. 15%

C. 20%

D. 25%

Đáp án B

Câu 9. UBND tỉnh Bình Định đã ban hành kế hoạch CCHC tỉnh giai đoạn 2020-2025 tại văn bản nào?

A. Quyết định số 3808/QĐ-UBND ngày 14/9/2021

B. Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14/9/2021

C. Quyết định số 3810/QĐ-UBND ngày 14/9/2021

D. Phương án khác

Đáp án B

Câu 10. Theo Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội XX của Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2020 -2025 đề ra bao nhiêu nhiệm vụ và giải pháp ?

A. 7 nhiệm vụ và giải pháp

B. 8 nhiệm vụ và giải pháp

C. 9 nhiệm vụ và giải pháp

D. 10 nhiệm vụ và giải pháp

Đáp án A

Câu 11: Theo Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội XX của Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2020 -2025 phấn đấu có bao nhiêu % cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã có trình độ chuyên môn sau đại học ?

- A. 5%
- B. 10%**
- C. 20%
- D. 25%

Đáp án B

Câu 12: Theo Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội XX của Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2020 -2025 mục tiêu phấn đấu đến năm 2025 là?

- A. Phấn đấu kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) nằm trong 10 địa phương dẫn đầu cả nước và nhóm 3 địa phương dẫn đầu khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên, điểm số năm sau cao hơn năm trước
- B. Phấn đấu kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) nằm trong 20 địa phương dẫn đầu cả nước và nhóm 3 địa phương dẫn đầu khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên, điểm số năm sau cao hơn năm trước**
- C. Phấn đấu kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) nằm trong 20 địa phương dẫn đầu cả nước và nhóm 5 địa phương dẫn đầu khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên, điểm số năm sau cao hơn năm trước
- D. Phấn đấu kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) nằm trong 30 địa phương dẫn đầu cả nước và nhóm 5 địa phương dẫn đầu khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên, điểm số năm sau cao hơn năm trước

Đáp án B

Câu 13. Để triển khai thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/HU ngày 14/5/2021 của Tỉnh Ủy, Huyện ủy An Lão đã ban hành và triển khai thực hiện văn bản nào

- A. Kế hoạch số 23-KH/HU ngày 13/9/2021
- B. Kế hoạch số 25-KH/HU ngày 13/9/2021
- C. Kế hoạch số 27-KH/HU ngày 13/9/2021
- D. Kế hoạch số 28-KH/HU ngày 26/10/2021**

Đáp án D.

Câu 14. Để triển khai thực hiện Kế hoạch số 28-KH/HU ngày 26/10/2021 của Huyện ủy, UBND huyện An Lão đã ban hành và triển khai thực hiện văn bản nào.

- A. Kế hoạch số 3238/QĐ-UBND ngày 15/11/2021
- B. Kế hoạch số 412/3QĐ-UBND ngày 24/11/2021
- C. Kế hoạch số 4238/QĐ-UBND ngày 14/12/2021**
- D. Kế hoạch số 4240/QĐ-UBND ngày 29/12/2021

Đáp án C

Câu 15. Tên viết tắt Chỉ số CCHC là gì?

- A. PAPI
- B. ICT INDEX
- C. PAR INDEX**
- D. PCI

Đáp án C

Câu 16. PAR INDEX là tên tiếng Anh của chỉ số nào sau đây?

- A. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.
- B. Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh.
- C. Chỉ số cải cách hành chính.**
- D. Chỉ số hài lòng của người dân về sự phục vụ hành chính

Đáp án C

Câu 17. PCI là tên viết tắt tiếng Anh của chỉ số nào sau đây?

- A. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.**
- B. Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh.
- C. Chỉ số cải cách hành chính.
- D. Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh

Đáp án A

Câu 18. PAPI là tên viết tắt tiếng Anh của chỉ số nào sau đây ?

- A. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.
- B. Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh.**

C. Chỉ số cải cách hành chính.

Đáp án B

Câu 19. SIPAS là tên viết tắt tiếng Anh của chỉ số nào sau đây?

A. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

B. Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh.

C. Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính công.

Đáp án C

Câu 20. Chỉ số PCI là chỉ số phản ánh về nội dung gì?

A. Chỉ số phản ánh hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam.

B. Chỉ số đánh giá và xếp hạng chính quyền các tỉnh, thành của Việt Nam về chất lượng điều hành kinh tế và xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho việc phát triển doanh nghiệp dân doanh.

C. Chỉ số để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện cải cách hành chính hàng năm của các bộ, ngành, địa phương.

Đáp án B

Câu 20a. Chỉ số PAPI là chỉ số phản ánh về nội dung gì?

A. Chỉ số phản ánh hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam.

B. Chỉ số đánh giá và xếp hạng chính quyền các tỉnh, thành của Việt Nam về chất lượng điều hành kinh tế và xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho việc phát triển doanh nghiệp dân doanh.

C. Chỉ số để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện cải cách hành chính hàng năm của các bộ, ngành, địa phương.

Đáp án A

Câu 21. Kết quả công bố chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) của UBND tỉnh năm 2022, huyện An Lão xếp thứ hạng nào sau đây?

A. 3

B. 4

C. 5

D. 8

Đáp án A

Câu 22: Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2022 của huyện An Lão đạt bao nhiêu %?

A. Đạt 86,6 %

B. Đạt 87%.

C. Đạt 91,51 %

D. Đạt 92,36%

Đáp án C

Câu 23: Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) được dựa trên cơ sở nào?

A. Trải nghiệm và đánh giá của người dân khi tương tác với các cấp chính quyền địa phương.

B. Đánh giá, chấm điểm của cơ quan hành chính nhà nước cấp trên đối với cơ quan hành chính nhà nước cấp dưới.

C. Đánh giá, chấm điểm giữa các cơ quan hành chính cùng cấp.

Đáp án A

Câu 24: Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2023 tỉnh Bình Định xếp thứ mấy?

A.15

B. 16

C.17

D. 19

Đáp án D

Câu 25: Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2023 Bình Định tăng mấy bậc so với năm 2022?

A.5

B. 17

C.19

D. 21

Đáp án C

Câu 26. Hiện nay việc đánh giá kết quả chỉ số cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện thực hiện theo Quyết định nào?

A. Quyết định số 2235/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND huyện

B. Quyết định số 3323/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện

C. Quyết định số 3311/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của UBND huyện

D. Quyết định số 3314/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện

Đáp án D

Câu 27. Cơ quan nào là cơ quan thường trực tổ chức triển khai thực hiện chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030

- A. Bộ Nội vụ
 B. Văn Phòng Chính phủ
 C. Ban chỉ đạo CCHC của Chính phủ
 D. Vụ CCHC, Bộ Nội vụ

Đáp án A

Câu 28. Chỉ thị số 23/CT-UBND ngày 04/10/2016 của UBND tỉnh quy định nội dung nào sau đây?

- A. Tăng cường quy chế văn hóa công sở
 B. Tăng cường công tác quản lý nhà nước
 C. Tăng cường công tác thực thi công vụ
 D. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu về CCHC và chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan nhà nước các cấp

Đáp án D

Câu 29. Anh chị cho biết, tình hình hiện tại Trưởng ban Ban chỉ đạo CCHC, Chuyển đổi số và Đề án 06 huyện An Lão là ai?

- A. Bí thư Huyện ủy
 B. Phó Bí thư Huyện ủy
 C. Chủ tịch UBND huyện
 D. Phó Chủ tịch Thường trực UBND huyện

Câu 30. Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 05/7/2018 của UBND tỉnh quy định nội dung nào sau đây?

- A. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu về CCHC và chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan nhà nước các cấp
 B. Tăng cường quy chế văn hóa công sở
 C. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về cải cách hành chính
 D. Tăng cường các giải pháp cải thiện, nâng cao chỉ số CCHC tỉnh

Đáp án D

Câu 31. Kế hoạch CCHC năm 2024 của UBND huyện An Lão có bao nhiêu nhiệm vụ trong phụ lục kèm theo?

- A. 34
 B. 38
 C. 41
 D. 50

Đáp án: A

Câu 32. Có bao nhiêu mục tiêu cụ thể trong Kế hoạch CCHC năm 2024 của UBND huyện An Lão?

- A. 5

B. 6

C. 7

D. 8

Đáp án D

Câu 33. Một trong những nội dung tại mục tiêu thứ 8 trong kế hoạch CCHC năm 2024 của UBND huyện An Lão có nội dung gì?

- A. Cấp huyện và xây dựng ít nhất 20% đơn vị hành chính cấp xã chuyển đổi số. Đạt 80% hồ sơ công việc đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện và 70% đối với Ủy ban nhân dân cấp xã được tạo lập dưới dạng điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- B. Cấp huyện và xây dựng ít nhất 10% đơn vị hành chính cấp xã chuyển đổi số. Đạt 80% hồ sơ công việc đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện và 60% đối với Ủy ban nhân dân cấp xã được tạo lập dưới dạng điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- C. **Cấp huyện và xây dựng ít nhất 20% đơn vị hành chính cấp xã chuyển đổi số. Đạt 80% hồ sơ công việc đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện và 60% đối với Ủy ban nhân dân cấp xã được tạo lập dưới dạng điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).**
- D. Cấp huyện và xây dựng ít nhất 20% đơn vị hành chính cấp xã chuyển đổi số. Đạt 90% hồ sơ công việc đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện và 80% đối với Ủy ban nhân dân cấp xã được tạo lập dưới dạng điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

Đáp án C

Câu 34. Để thực hiện tốt Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại điều 11 của quy định trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 UBND huyện An Lão đã ban hành văn bản nào?

- A. Công văn số 937/UBND ngày 03/08/2021 của UBND huyện
- B. **Công văn số 937/UBND ngày 02/08/2021 của UBND huyện**
- C. Công văn số 939/UBND ngày 15/08/2021 của UBND huyện
- D. Công văn số 958/UBND ngày 01/10/2021 của UBND huyện

Đáp án B

Câu 35. Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong thực hiện nhiệm vụ CCHC trên địa bàn tỉnh Bình Định tại Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của UBND tỉnh có bao nhiêu Điều?

- A. 16 B. 17
C. 18 D. 19

Đáp án: C

Câu 36. Việc đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ CCHC có bao nhiêu mức đánh giá theo quy định tại Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 04/5/2019?

- A. 4 B. 5
C. 6 D. 7

Đáp án: A

Câu 37. Có bao nhiêu nguyên tắc xác định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương về thực hiện nhiệm vụ CCHC được quy định tại Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của UBND tỉnh?

- A. 3 B. 4
C. 5 D. 6

Đáp án: A

Câu 38. Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ CCHC được quy định tại Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 của UBND tỉnh quy định bao nhiêu trách nhiệm phải thực hiện?

- A. 5 B. 6
C. 7 D. 8

Đáp án C

Câu 39: Tại Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của UBND huyện Về việc phê duyệt Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện, Anh/ chị hãy cho biết chỉ số CCHC của địa phương nào xếp vị trí thứ nhất và vị trí cuối cùng?

- A. Xã An Tân, An Toàn
B. Xã An Tân, An Nghĩa
C. Xã An Dũng, An Vinh
D. Xã An Quang, An Hưng

Đáp án A

Câu 40. Tại Quyết định số 6198/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện Về việc phê duyệt Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của Ủy ban nhân

dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện, Anh/ chị hãy cho biết chỉ số CCHC của địa phương nào xếp vị trí thứ nhất và vị trí cuối cùng?

- A. Xã An Tân, An Toàn
- B. Xã An Tân, An Hòa**
- C. Thị trấn An Lão, An Hưng
- D. Thị trấn An Lão, An Nghĩa

Đáp án B

Phần 2: CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY

Câu 1. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/07/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 – 2030, mục tiêu đến năm 2025 về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước có bao nhiêu nội dung ?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5**

Đáp án : D

Câu 2. Chính sách tinh giản biên chế đã được Chính phủ ban hành tại văn bản nào?

- A. Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ
- B. Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính Phủ
- C. Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính Phủ
- D. Cả 3 đáp án trên đều đúng**

Đáp án: D

Câu 3. Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào chưa xem xét tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/06/2023 của Chính phủ?

- A. Những người đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp cá nhân tự nguyện tinh giản biên chế**
- B. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nhưng không thể bố trí việc làm khác.
- C. Những người đang bị đau ốm, tai nạn lao động
- D. Tất cả các trường hợp trên

Đáp án: A

Câu 4. Cơ quan, tổ chức nào sau đây không phải cơ quan chuyên môn thuộc

UBND huyện?

- A. Phòng Tư pháp
- B. Phòng GD&ĐT
- C. Thanh tra huyện
- D. Ban quản lý rừng phòng hộ

Đáp án: D

Câu 5. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 đặt mục tiêu đến năm 2030, tỷ lệ lãnh đạo, quản lý cấp phòng, vụ, cục, tổng cục và tương đương ở Trung ương có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế là:

- A. 50% - 60%**
- B. 55% - 60%
- C. 55% - 65%
- D. 60% - 70%

Đáp án: A

Câu 6. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 đặt mục tiêu đến năm 2030, giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025 là:

- A. 5%
- B. 10%**
- C. 15%
- D. 20%

Đáp án: B

Câu 7. Anh chị cho biết đến tính thời điểm hiện nay tỉnh Bình Định có bao nhiêu đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã)?

- A. 158
- B. 159**
- C. 160
- D. 161

Đáp án: B

Câu 8. Tổ chức nào sau đây không phải là đoàn thể chính trị - xã hội?

- A. Hội Nông dân Việt nam
- B. Hội Liên hiệp phụ nữ Việt nam
- C. Hội Cựu chiến binh Việt nam

D. Hội Luật gia Việt nam**Đáp án: D**

Câu 9. Theo quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp tỉnh Bình Định tại Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 17/3/2009 được thay thế bằng Quyết định nào?

- A. Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND
- B. Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND
- C. Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND
- D. Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND

Đáp án: A

Câu 10. Theo quy định của Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ, Cơ quan nào sau đây có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cải cách hành chính?

- A. Văn phòng HĐND&UBND huyện
- B. Phòng Nội vụ**
- C. Phòng Tư pháp
- D. Cả 3 phương án đều đúng

Đáp án: B

Câu 11. Theo quy định của Nghị định 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ, Cơ quan nào sau đây có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lao động, tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội?

- A. Bảo hiểm xã hội
- B. Phòng LĐ-TB&XH**
- C. Phòng nội vụ
- D. Văn phòng HĐND&UBND huyện

Đáp án: B

Câu 12. Theo quy định của Nghị định 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ, Cơ quan nào sau đây có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền lương đối với lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập?

- A. Phòng LĐ-TB&XH
- B. Văn phòng HĐND&UBND huyện

C. Bảo hiểm xã hội huyện

D. Tất cả đều sai

Đáp án: D

Câu 13. Theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định tại Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND đâu là nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND huyện trong Quản lý tiếp nhận, điều động, luân chuyển, biệt phái?

A. Quyết định tiếp nhận công chức, viên chức, công chức cấp xã từ các cơ quan, đơn vị, địa phương trong và ngoài tỉnh theo quy định;

B. Quyết định điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ, công chức, viên chức, công chức cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định;

C. Quyết định cho chuyển công tác đối với công chức, công chức cấp xã; có ý kiến về việc chấm dứt hợp đồng làm việc để chuyển công tác đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

D. Tất cả đều đúng

Đáp án: D

Câu 14. Theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định tại Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND đâu là nhiệm vụ, quyền hạn của UBND huyện trong Tuyển dụng?

A. Xác định số lượng, cơ cấu công chức cần tuyển dụng gửi Sở Nội vụ thẩm định; phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện tuyển dụng công chức theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh;

B. Xác định số lượng, nhu cầu tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp; dự thảo kế hoạch tuyển dụng gửi Sở Nội vụ thẩm định trước khi phê duyệt chỉ tiêu và kế hoạch tuyển dụng viên chức;

C. Ban hành kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định.

D. Tất cả các nội dung trên.

Đáp án: D

Câu 15. Nghị định 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực kể từ thời gian nào?

A. Ngày 15 tháng 11 năm 2020

B. Ngày 20 tháng 11 năm 2020

C. Ngày 25 tháng 11 năm 2020

D. Ngày 30 tháng 11 năm 2020

Đáp án: C

Câu 16. Theo quy định của Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ, số

lượng Phó trưởng phòng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện không quá bao nhiêu người?

- A. 3
- B. 4
- C. 5

D. Bình quân mỗi phòng có 02 Phó Trưởng phòng. Căn cứ số lượng phòng chuyên môn được thành lập và tổng số lượng Phó Trưởng phòng, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng của từng phòng chuyên môn cho phù hợp

Đáp án: D

Câu 17. Theo quy định của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ, nguyên tắc nào sau đây là nguyên tắc tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp huyện?

- A. Bảo đảm tính thống nhất, thông suốt về quản lý ngành, lĩnh vực công tác từ tỉnh đến huyện
- B. Bảo đảm tính thống nhất, thông suốt về quản lý ngành, lĩnh vực công tác từ Trung ương đến cơ sở.
- C. Bảo đảm tính thống nhất, thông suốt về quản lý lãnh thổ từ trung ương đến địa phương

D. cả 3 đáp án trên đều đúng

Đáp án: D

Câu 18. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 đặt mục tiêu đến năm 2025 lĩnh vực cải cách tài chính công đạt được kết quả nào sau đây:

- A. Có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.
- B. Giảm tối thiểu bình quân cả nước 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước.
- C. Hoàn thành 100% việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện thành công ty cổ phần (trừ các bệnh viện và trường học).
- D. Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2016 - 2020.

Đáp án: A

Câu 19. Theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ Cơ quan nào sau đây có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính?

- A. Phòng Tư pháp
- B. Chi cục thi hành án
- C. Thanh tra huyện
- D. Phòng Nội vụ

Đáp án: A

Câu 20. Theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ Cơ quan nào sau đây có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội?

- A. Phòng Văn hóa và Thông tin
- B. Phòng Y tế
- C. Phòng LĐ-TB&XH**
- D. cả 3 phương án trên đều đúng

Đáp án: C

Câu 21. Theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ Trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện do ai bổ nhiệm?

- A. UBND cấp huyện
- B. Chủ tịch UBND cấp huyện**
- C. HĐND cấp huyện
- D. Chủ tịch UBND huyện

Đáp án: B

Câu 22. Theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ Cơ quan nào sau đây có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực hòa giải ở cơ sở?

- A. Thanh tra huyện
- B. Phòng Tư pháp**
- C. Phòng LĐ-TB&XH
- D. Văn phòng HĐND&UBND huyện

Đáp án: B

Câu 23. Theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ Cơ quan nào sau đây có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại; hạ tầng thông tin?

- A. Phòng Ngoại vụ
- B. Phòng Văn hóa và Thông tin**
- C. Văn phòng HĐND&UBND huyện
- D. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

Đáp án: B

Câu 24. Theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ Cơ quan nào sau đây có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giải quyết khiếu nại, tố cáo, và phòng, chống tham nhũng, tiếp công dân theo quy định của pháp luật?

- A. Phòng Tư pháp
- B. Thanh tra huyện**
- C. Phòng Y tế
- D. Toà án nhân dân huyện

Đáp án: B

Câu 25. Theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ Cơ quan nào sau đây có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hội, tổ chức phi chính phủ?

- A. Phòng Nội vụ**
- B. Văn phòng HĐND&UBND huyện
- C. Phòng Dân tộc
- D. Phòng Văn hóa và Thông tin

Đáp án: A

Câu 26. Theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ Cơ quan nào sau đây có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về doanh nghiệp, hợp tác xã, kinh tế tư nhân?

- A. Phòng Công thương
- B. Phòng Kinh tế và Hạ tầng
- C. Phòng Tài chính – Kế hoạch**
- D. Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Đáp án: C

Câu 27. Theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ Cơ quan nào sau đây có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sức khỏe sinh sản, dân số?

- A. Trung tâm y tế cấp huyện
- B. Phòng Y tế
- C. phòng Dân số - kế hoạch hóa gia đình, Trung tâm y tế cấp huyện
- D. cả 3 đáp án đều sai:

Đáp án: B

Câu 28. Theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ Cơ quan nào sau đây có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Công nghiệp; tiểu thủ công nghiệp; thương mại; quy hoạch xây dựng, kiến trúc?

- A. Phòng Kinh tế
- B. Phòng Kinh tế và Hạ tầng**
- C. Phòng Công thương
- D. Phòng Khoa học Công nghệ

Đáp án: B

Câu 29. Theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ Cơ quan nào sau đây có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về địa giới hành chính?

- A. Phòng Tài nguyên và Môi trường
- B. Phòng Nội vụ**
- C. Phòng Quản lý đô thị
- D. cả 3 phương án đều sai

Đáp án: B

Câu 30. Theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ Cơ quan nào sau đây có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về báo chí; xuất bản; thông tin cơ sở?

- A. Phòng Văn hóa và Thông tin
- B. Đài truyền thanh huyện
- C. Trung tâm Văn hóa Thông tin – Thể thao huyện
- D. cả phương án đều đúng

Đáp án: A

Câu 31. UBND huyện An Lão không có cơ quan chuyên môn nào sau đây?

- A. Phòng Kinh tế - Hạ tầng
- B. Phòng Quản lý đô thị
- C. Phòng Dân tộc
- D. Cả 3 đáp án đều đúng**

Đáp án: D

Câu 32. Theo quy định của Nghị định 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện làm việc theo chế độ nào?

- A. Tập thể
- B. Thủ trưởng
- C. Thủ trưởng và theo quy chế làm việc của UBND huyện**
- D. Quy chế làm việc của UBND cấp huyện

Đáp án: C

Câu 33. Theo quy định của Nghị định 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ, số lượng các cơ quan chuyên môn ở các huyện đảo không quá bao nhiêu phòng?

- A. 9
- B. 10**
- C. 11
- D. 12

Đáp án: B

Câu 34. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 đặt mục tiêu đến năm 2025, giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021 là:

- A. 5%
- B. 10%**
- C. 15%
- D. 20%

Đáp án: B

Câu 35. Theo quy định của Nghị định 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ, Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước ai về việc thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan mình?

- A. UBND cấp huyện
- B. Chủ tịch UBND cấp huyện
- C. Chủ tịch HĐND cấp huyện
- D. A và B đúng C sai**

Đáp án: D

Câu 36. Theo quy định của Nghị định 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ, Phó Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước ai về việc thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan mình?

- A. UBND cấp huyện
- B. Chủ tịch UBND cấp huyện
- C. Chủ tịch HĐND cấp huyện
- D. Trưởng phòng**

Đáp án: D

Câu 37. Anh chị hãy cho biết Luật Tổ chức chính quyền địa phương có hiệu lực kể từ thời gian nào?

- A. 01/01/2016
- B. 01/7/2015
- C. 01/8/2015
- D. 01/12/2015

Đáp án: A

Câu 38. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Thường trực HĐND tỉnh gồm?

- A. Chủ tịch HĐND và hai Phó Chủ tịch HĐND
- B. Chủ tịch HĐND, hai Phó Chủ tịch HĐND, các Ủy viên là Trưởng ban của HĐND
- C. Chủ tịch HĐND, hai Phó Chủ tịch HĐND và Chánh văn phòng HĐND tỉnh
- D. Chủ tịch HĐND, hai Phó Chủ tịch HĐND, các ủy viên là Trưởng ban của HĐND và Chánh văn phòng HĐND tỉnh**

Đáp án: D

Câu 39. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Thường trực HĐND huyện gồm?

- A. Chủ tịch HĐND và hai Phó Chủ tịch HĐND
- B. Chủ tịch HĐND, hai Phó Chủ tịch HĐND, các Ủy viên là Trưởng ban của HĐND**
- C. Chủ tịch HĐND, hai Phó Chủ tịch HĐND và Chánh văn phòng HĐND&UBND huyện
- D. Chủ tịch HĐND, hai Phó Chủ tịch HĐND, các ủy viên là Trưởng ban của HĐND và Chánh văn phòng HĐND&UBND huyện

Đáp án: B

Câu 40. theo Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp huyện loại II có?

- A. Không quá hai Phó Chủ tịch**
- B. Không quá ba Phó Chủ tịch
- C. Không quá bốn Phó chủ tịch
- D. Tất cả đều sai

Đáp án: A

Câu 41. Theo Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp xã loại II có?

- A. Không quá hai PCT**
- B. Không quá ba PCT
- C. 01 PCT
- D. Tất cả đều sai

Đáp án: A

Câu 42. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Thường trực HĐND xã gồm?

- A. Chủ tịch HĐND
- B. Chủ tịch HĐND, 01 Phó Chủ tịch HĐND**
- C. Chủ tịch HĐND, 01 Phó Chủ tịch HĐND, các ban của HĐND xã
- D. Tất cả Đều sai

Đáp án: B

Câu 43: Theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2024 Chính phủ, chính sách tinh giản biên chế không bao gồm chính sách nào?

- A. Chính sách nghỉ hưu trước tuổi.
- B. Chính sách thôi việc
- C. Chính sách đối với những người thôi giữ chức vụ lãnh đạo hoặc được bổ nhiệm, bầu cử vào chức vụ khác có phụ cấp chức vụ lãnh đạo mới cao hơn do sắp xếp tổ chức.**
- D. Chính sách chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách nhà nước

Đáp án C

Câu 44. Theo Nghị định 29/2023/NĐ-CP ngày 03/06/2023 của chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, quy định này được thực hiện và áp dụng trong các cơ quan, đơn vị nào?

A. Các cơ quan, tổ chức, các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng từ trung ương đến địa phương

B. Các cơ quan, tổ chức, các đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước từ trung ương đến địa phương

C. Các cơ quan, tổ chức, các đơn vị sự nghiệp công lập của tổ chức chính trị - xã hội từ trung ương đến địa phương

D. Tất cả đều đúng

Đáp án: D

Câu 45. Theo Nghị định 29/2023/NĐ-CP/2014/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định bao nhiêu nguyên tắc tinh giản biên chế?

A. 5

B. 6.

C. 7

D. 8

Đáp án B

Câu 46. Theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP/2014/NĐ-CP ngày 03/6/202 của Chính Phủ, Những trường hợp nào sau đây sẽ thực hiện tinh giản biên chế theo quy định?

A. Dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, xã theo Quyết định của cấp có thẩm quyền

B. Chưa đạt trình độ đào tạo theo chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc được cơ quan bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý

C. Cán bộ, công chức đang trong thời gian xử lý kỷ luật nhưng chưa đến mức bãi nhiệm hoặc buộc thôi việc theo quy định của pháp luật tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế, được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý

D. Tất cả đều đúng

Đáp án D

Câu 47. Anh chị hãy cho biết Nghị định 29/2023/NĐ-CP ngày 03/06/2023 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế có hiệu lực thi hành kể từ thời gian nào?

A. Kể từ ngày ký ban hành

B. 01/7/2023

C. 15/7/2023

D. 20/7/2023

Đáp án: D

Phần 3: CẢI CÁCH THỂ CHẾ

Câu 1. Cơ quan có chức năng thẩm định dự thảo Quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh là:

A. Văn phòng UBND tỉnh

B. Sở Tư pháp

C. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh

D. Không quy định

Đáp án: B

Câu 2. Cơ quan có chức năng thẩm định dự thảo Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp huyện là:

A. Phòng Tư pháp

B. Phòng Nội vụ

C. Ban Pháp chế thuộc Hội đồng nhân dân cấp huyện

D. Không quy định

Đáp án: A

Câu 3. Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh gửi Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp thẩm tra trước khi trình Hội đồng nhân dân trong thời gian:

A. Chậm nhất là 25 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân

B. Chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân

C. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân

D. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân

Đáp án: C

Câu 4. Quy định thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp huyện và cấp xã như sau:

A. Trước 07 ngày kể từ ngày ký ban hành

B. Không sớm hơn 05 ngày kể từ ngày ký ban hành

C. Không sớm hơn 07 ngày kể từ ngày ký ban hành

D. Trước 10 ngày kể từ ngày ký ban hành

Đáp án: C

Câu 5. Hội đồng nhân dân các cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật bằng hình thức:

- A. Nghị quyết
B. Quyết định
C. Nghị định
D. Chỉ thị

Đáp án: A

Câu 6. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện được ký chứng thực bởi:

- A. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện
B. Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện
C. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện
D. Trưởng Ban pháp chế Hội đồng nhân dân cấp huyện

Đáp án: B

Câu 7. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, cải cách thể chế có mấy nhiệm vụ?

- A. 3
B. 4
C. 5
D. 6

Đáp án: B

Câu 8. Theo Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015, trong trường hợp các văn bản QPPL do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản nào?

- A. Văn bản QPPL ban hành trước
B. Văn bản QPPL ban hành sau
C. a và b đều đúng
D. a vs b đều sai

Đáp án: B

Câu 9. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, nhiệm vụ cải cách thể chế đến năm 2025 có bao nhiêu mục tiêu?

- A. 3 mục tiêu**
B. 4 mục tiêu
C. 5 mục tiêu

D. 6 mục tiêu

Đáp án A

Câu 10. Theo Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015, trong trường hợp các văn bản QPPL có quy định khác nhau về cùng 1 vấn đề thì sẽ áp dụng văn bản QPPL nào?

A. Văn bản QPPL có hiệu lực pháp lý cao hơn

B. Văn bản QPPL được ban hành trước

C. Văn bản QPPL được ban hành sau

D. Tất cả đều đúng

Đáp án: A

Câu 11. Theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015, số, ký hiệu nào sau đây là đúng của văn bản quy phạm pháp luật?

A. Số: 10/2017/QĐ-HĐND.

B. Số: 11/2017/CT-HĐND.

C. Số: 12/2017/QĐ-UBND.

D. Số: 13/QĐ-UBND

Đáp án: C

Câu 12. Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, việc thẩm định của cơ quan tư pháp (Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp) đối với dự thảo văn bản QPPL của HĐND, UBND cùng cấp là thủ tục:

A. Bắt buộc

B. Không bắt buộc

C. Tùy từng trường hợp cụ thể.

Đáp án: A

Câu 13. Theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015, hiệu lực pháp lý từ cao đến thấp của các văn bản QPPL nào sau đây là đúng?

A. Hiến pháp; Luật; Thông tư; Nghị định.

B. Hiến pháp; Nghị định; Luật; Thông tư.

C. Hiến pháp; Luật; Nghị định; Thông tư.

D. Luật; Hiến pháp; Nghị định; Thông tư

Đáp án: C

Câu 14. Theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL, Chỉ thị có phải là

văn bản QPPL hay không?

- A. Là văn bản QPPL
- B. Không phải là văn bản QPPL
- C. Chỉ có Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ là văn bản QPPL, còn Chỉ thị của UBND các cấp là văn bản cá biệt

D. Tất cả đều sai

Đáp án: D

Câu 15. Văn bản quản lý nhà nước được Nhà nước bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp nào?

- A. Tuyên truyền, phổ biến, kinh tế, hành chính
- B. Phổ biến, kinh tế, hành chính, cưỡng chế
- C. Tuyên truyền, phổ biến, hành chính, cưỡng chế

D. Tuyên truyền, phổ biến, kinh tế, hành chính, cưỡng chế

Đáp án: D

Câu 16. Cơ quan nào dưới đây không được ban hành văn bản quy phạm pháp

luật?

- A. Ủy ban nhân dân tỉnh.
- B. Ủy ban nhân dân huyện.
- C. Sở Tư pháp.
- D. Hội đồng nhân dân xã.

Đáp án: C

Câu 17. Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 có hiệu lực thi hành kể từ thời gian nào?

- A. Kể từ ngày ký ban hành
- B. 01/7/2016
- C. 01/8/2016
- D. 01/8/2016

Đáp án: B

Câu 18. Theo Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015, chủ tịch Quốc hội có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL nào sau đây?

- A. Hiến pháp, Luật, Nghị định.
- B. Hiến pháp, Luật, Nghị quyết.
- C. Hiến pháp, Luật, Pháp lệnh.
- D. Cả 03 đáp án đều sai

Đáp án: D

Câu 19. Theo Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015, chính phủ có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL nào sau đây?

- A. Nghị quyết, Nghị định.
- B. Nghị quyết, Nghị định, Quyết định.
- C. Nghị quyết, Nghị định, Chỉ thị.
- D. Cả 3 câu trên đều sai.**

Đáp án: D

Câu 20. Theo Luật ban hành văn bản QPPL, Thủ tướng chính phủ có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL nào sau đây?

- A. Quyết định, Thông tư.
- B. Chỉ thị, Thông tư.
- C. Quyết định, Nghị định.
- D. Cả 3 câu trên đều sai.**

Đáp án: D

Câu 21. Theo Luật ban hành văn bản QPPL, Chủ tịch nước có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL nào sau đây?

- A. Lệnh, Quyết định.
- B. Lệnh, Chỉ thị**
- C. Quyết định, Chỉ thị.
- D. Lệnh, Quyết định, Chỉ thị.

Đáp án: B

Câu 22. Theo Luật ban hành văn bản QPPL, Quốc hội có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL nào sau đây?

- A. Hiến pháp, Nghị quyết, Nghị định.
- B. Hiến pháp, Luật, Nghị định.
- C. Hiến pháp, Luật, Nghị quyết.**
- D. Hiến pháp, Luật, Pháp lệnh.

Đáp án: C

Câu 23. Theo Luật ban hành văn bản QPPL, Ủy ban thường vụ Quốc hội có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL nào sau đây?

- A. Luật, Pháp lệnh.
- B. Pháp lệnh, Nghị quyết.**

- C. Nghị quyết, Nghị định.
- D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Đáp án: B

Câu 24. Theo Luật ban hành văn bản QPPL, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL nào sau đây?

- A. Quyết định
- B. Thông tư**
- C. Chỉ thị
- D. Quyết định, Chỉ thị, Thông tư.

Đáp án: B

Câu 25. Anh chị hãy cho biết những hành vi nào bị cấm trong quá trình ban hành văn bản QPPL sau đây?

- A. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trái với Hiến pháp, trái với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên
- B. Ban hành văn bản không thuộc hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 4 của Luật này nhưng có chứa quy phạm pháp luật
- C. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định tại Luật ban hành văn bản QPPL
- D. Tất cả đều đúng**

Đáp án: D

Câu 26. Anh chị hãy cho biết nguyên tắc nào sau đây là nguyên tắc được thực hiện đảm bảo trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản QPPL?

- A. Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật
- B. Bảo đảm tính minh bạch trong quy định của văn bản quy phạm pháp luật.
- C. Bảo đảm công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật
- D. Tất cả đều đúng**

Đáp án: D

Câu 27. Theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015, UBND các cấp được ban hành văn bản QPPL nào sau đây?

- A. Quyết định
- B. Chỉ thị
- C. Nghị quyết
- D. Tất cả đều đúng

Đáp án: A

Câu 28. Theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015, Thông tư liên tịch được ban hành giữa các cơ quan, đơn vị, cá nhân nào sau đây?

A. Giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

B. Giữa các Bộ, các cơ quan ngang bộ với Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

C. Giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

D. Giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thuộc bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

Đáp án: A

Câu 29. Theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015, HĐND và UBND cấp xã được ban hành văn bản QPPL trong trường hợp nào?

A. Được cấp ủy đảng cùng cấp giao.

B. Được HĐND, UBND cấp huyện giao.

C. Được luật giao.

D. Tất cả đều sai

Đáp án: C

Câu 30. Theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản QPPL, trường hợp nào sau đây Nghị quyết của HĐND ban hành không phải là văn bản QPPL?

A. Nghị quyết miễn nhiệm, bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân và các chức vụ khác

B. Nghị quyết phê chuẩn kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và bầu các chức vụ khác

C. Nghị quyết dự toán, quyết toán ngân sách địa phương

D. Tất cả đều không phải

Đáp án: D

Câu 31. Theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản QPPL, trường hợp nào sau đây Quyết định của UBND ban hành không phải là văn bản QPPL?

A. Quyết định phê duyệt kế hoạch

- B. Quyết định giao chỉ tiêu cho từng cơ quan, đơn vị
- C. Quyết định về chỉ tiêu biên chế cơ quan, đơn vị; quyết định về khoán biên chế, kinh phí quản lý hành chính cho từng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân
- D. Tất cả đều đúng**

Đáp án: D

Câu 32. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, trọng tâm cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030 là gì?

A. Cải cách thể chế, trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính.

B. Cải cách thể chế, trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước, trong đó, chú trọng cải cách chính sách tiền lương; xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

C. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước; xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Đáp án: B.

Câu 33. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định dự thảo Quyết định UBND cấp huyện được thông qua khi:

- A. Có quá nửa tổng số thành viên UBND cấp huyện biểu quyết tán thành
- B. Có 1/2 tổng số thành viên UBND cấp huyện biểu quyết tán thành
- C. Có ít nhất 2/3 tổng số thành viên UBND cấp huyện có mặt biểu quyết tán thành
- D. Có ít nhất 3/4 tổng số thành viên UBND cấp huyện có mặt biểu quyết tán thành

Đáp án A.

Câu 34. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định dự thảo Nghị quyết của HĐND cấp xã do cơ quan nào tổ chức soạn thảo?

- A. UBND cấp xã
- B. Thường trực HĐND cấp xã.
- C. Thường trực UBND cấp xã
- D. Ban của HĐND cấp xã

Đáp án A.

Câu 35. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định dự thảo Nghị quyết của HĐND cấp xã được thông qua khi nào?

- A. Quá nửa tổng số đại biểu HĐND cấp xã biểu quyết tán thành**
- B. 1/2 tổng số đại biểu HĐND cấp xã biểu quyết tán thành
- C. Quá nửa tổng số đại biểu HĐND cấp xã có mặt tại kỳ họp biểu quyết tán thành
- C. 1/2 tổng số đại biểu HĐND cấp xã có mặt tại kỳ họp biểu quyết tán thành

Đáp án A.

Câu 36. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định ai có thẩm quyền ký chứng thực nghị quyết của HĐND cấp xã.

- A. Phó chủ tịch thường trực HĐND cấp xã**
- B. Chủ tịch HĐND cấp xã.
- C. Chủ tịch UBND xã
- D. Cả 3 đáp án trên đều sau

Đáp án A.

Câu 37. Hành vi nào sau đây là hành vi bị nghiêm cấm trong ban hành văn bản quy phạm pháp luật

- A. Ban hành văn bản QPPL trái với Hiến pháp, trái với văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên
- B. Ban hành văn bản QPPL không đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định tại luật này.
- C. Cả 02 đáp án trên đều đúng**
- D. Đáp án C**

Câu 38. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 và Luật ban hành văn bản QPPL sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định nội dung thẩm định các vấn đề nào là đúng?

- A. Sự phù hợp của nội dung dự thảo với mục đích, yêu cầu, phạm vi điều chỉnh, chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh đã được thông qua
- B. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật, tính tương thích của dự thảo văn bản với điều ước quốc tế có liên quan mà cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

C. Cả 2 đáp án trên đều đúng

Đáp án C

Câu 39. Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 quy định cơ quan nào có trách nhiệm thẩm định Quyết định của UBND cấp huyện?

- A. Ban pháp chế hội đồng
- B. Văn phòng HĐND&UBND
- C. Phòng Tư pháp**
- D. Thanh tra huyện

Đáp án C

Câu 40. Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 quy định dự thảo quyết định của UBND cấp huyện do cơ quan nào soạn thảo

- A. Cơ quan chuyên môn UBND cấp huyện**
- B. Các ban HĐND cấp huyện
- C. Phòng Tư pháp soạn thảo các Quyết định
- D. Văn phòng HĐND & UBND huyện

Đáp án A

Phần 4: XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CB, CC, VC VÀ MỘT SỐ NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN LUẬT CÁNH BỘ, CÔNG CHỨC; LUẬT VIÊN CHỨC

Câu 1. Theo quy định của Luật CB, CC có bao nhiêu nguyên tắc trong thi hành công vụ của CB, CC?

- A. 3
- B. 4
- C. 5**
- D. 6

Đáp án: C

Câu 2. Theo quy định của Luật CB, CC; CB, CC có bao nhiêu nghĩa vụ đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân?

- A. 3
- B. 4**
- C. 5
- D. 6

Đáp án: B

Câu 3. Theo quy định của Luật CB, CC, trong thi hành công vụ CB, CC phải thực hiện bao nhiêu nghĩa vụ?

- A. 3
- B. 4
- C. 5**
- D. 6

Đáp án: D

Câu 4 . Theo quy định của Luật CB, CC, quyền của CB, CC khi thi hành công vụ được đảm bảo bao nhiêu điều kiện?

- A. 3 B. 4
C. 5 D. 6

Đáp án: C

Câu 5. Theo Luật CB, CC, có bao nhiêu nội dung quy định CB, CC không được làm liên quan đến đạo đức công vụ?

- A. 3 B. 4
C.5 D. 6

Đáp án: B

Câu 6. Theo quy định của Luật Viên chức, viên chức phải tuân thủ mấy nguyên tắc trong hoạt động nghề nghiệp?

- A. 3 B.4
C. 5 D. 6

Đáp án: B

Câu 7. Theo quy định của Luật Viên chức, trong hoạt động nghề nghiệp viên chức có bao nhiêu quyền?

- A. 4 B. 5
C. 6 D. 7

Đáp án: D

Câu 8. Theo quy định của Luật Viên chức, trong hoạt động nghề nghiệp viên chức phải thực hiện bao nhiêu nghĩa vụ chung?

- A. 3 B. 4
C. 5 D. 6

Đáp án: C

Câu 9. Luật Viên chức quy định có bao nhiêu việc viên chức không được làm?

- A. 3 B. 4
C. 5 D. 6

Đáp án: D

Câu 10. Công chức sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được tuyển dụng vào cơ quan, tổ chức thì bị cơ quan quản lý công chức áp dụng hình thức kỷ luật nào dưới đây?

- A. Buộc thôi việc.
- B. Cách chức.
- C. Hạ bậc lương.
- D. Cảnh cáo.

Đáp án: A

Câu 11. Theo Luật CB, CC; Luật VC có mấy mức để đánh giá phân loại CB, CC, VC?

- A. 2 B. 3
- C. 4 D. 5

Đáp án: C

Câu 12. Có bao nhiêu ngạch công chức? bao gồm những ngạch nào?

- A. 4: Chuyên viên cao cấp; Chuyên viên chính; Chuyên viên; Nhân viên.
- B. 4: Chuyên viên chính và tương đương; Chuyên viên và tương đương; Cán sự và tương đương; Nhân viên và Nhân viên dự bị.
- C. 4: Chuyên viên cao cấp; Chuyên viên chính và tương đương; Chuyên viên và tương đương; Nhân viên.

D. 5: Chuyên viên cao cấp và tương đương; Chuyên viên chính và tương đương; Chuyên viên và tương đương; Cán sự và tương đương; Nhân viên; Ngạch khác theo quy định của Chính phủ.

Đáp án: D

Câu 13. Theo Điều 60 Luật Cán bộ, công chức cơ quan phải thông báo bằng văn bản trước mấy tháng cho CB, CC được nghỉ hưu?

- A. 3 tháng
- B. 5 tháng
- C. 6 tháng
- D. 7 tháng

Đáp án: C

Câu 14. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 đặt mục tiêu đến năm 2030, tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm

việc là:

- A. 85%
- B. 90%
- C. 95%
- D. 100%**

Đáp án: D

Câu 15. Theo Luật viên chức năm 2010 chức danh nghề nghiệp được hiểu như thế nào?

A. Là tên gọi thể hiện trình độ, năng lực chuyên môn và đạo đức của viên chức trong từng lĩnh vực nghề nghiệp.

B. Là tên gọi thể hiện trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức trong từng lĩnh vực nghề nghiệp.

C. Là tên gọi thể hiện trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức phù hợp với vị trí việc làm

D. Là tên gọi thể hiện trình độ, năng lực chuyên môn và đạo đức của viên chức phù hợp với vị trí việc làm

Đáp án: B

Câu 16. Việc quản lý hồ sơ cán bộ, công chức được quy định tại điều nào trong Luật Cán bộ công chức?

- A. Điều 68
- B. Điều 69**
- C. Điều 70
- D. Điều 71.

Đáp án: B

Câu 17. Theo Luật viên chức năm 2010 trường hợp nào sau đây người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập không được đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc với viên chức?

A. Viên chức đang nghỉ hàng năm, nghỉ về việc riêng và những trường hợp nghỉ khác được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cho phép.

B. Viên chức nữ đang trong thời gian có thai, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập chấm dứt hoạt động.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A vs B đều sai

Đáp án: C

Câu 18. Theo Luật Cán bộ, công chức có mấy hình thức kỷ luật đối với cán bộ vi phạm kỷ luật?

- A. 3 hình thức
- B. 4 hình thức**
- C. 5 hình thức
- D. 6 hình thức

Đáp án: B

Câu 19. Theo Luật Cán bộ, công chức có mấy hình thức kỷ luật đối với công chức vi phạm kỷ luật?

- A. 3 hình thức
- B. 4 hình thức
- C. 5 hình thức
- D. 6 hình thức**

Đáp án: D

Câu 20. Luật viên chức năm 2010 quy định thời gian tập sự đối với viên chức như thế nào?

- A. Thời gian tập sự từ 06 tháng đến 12 tháng và phải được quy định trong hợp đồng làm việc.
- B. Thời gian tập sự từ 09 tháng đến 12 tháng và phải được quy định trong hợp đồng làm việc.
- C. Thời gian tập sự từ 03 tháng đến 12 tháng và phải được quy định trong hợp đồng làm việc.**
- D. Tất cả đáp án đều đúng

Đáp án: C

20. Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 – 2025, mục tiêu đến năm 2025, cán bộ, công chức người dân tộc Kinh công tác tại vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống sử dụng được ít nhất một thứ tiếng dân tộc tại địa bàn công tác đạt bao nhiêu %?

- A. 85%.
- B. 90%.
- C. 95%.
- D. 100%.**

Đáp án: D

Câu 21. Theo Nghị định số 89/2021/NĐ-CP có mấy hình thức bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức?

- A. 1 hình thức
- B. 2 hình thức
- C. 3 hình thức
- D. 4 hình thức**

Đáp án: D

Câu 22. Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn nhằm mục đích gì?

- A. Cửa quyền.
- B. Hách dịch.
- C. Quan liêu.
- D. Vụ lợi.**

Đáp án: D

Câu 23. Mức độ của vụ việc tham nhũng là căn cứ để xác định trách nhiệm của ai ?

- A. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- B. Cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- C. Cán bộ, công chức, viên chức có hành vi tham nhũng.
- D. Chỉ A và B**

Đáp án: D

Câu 24. Tại Điều 38 của Luật Cán bộ, công chức quy định mấy nguyên tắc trong tuyển dụng công chức?

- A. 2 nguyên tắc
- B. 3 nguyên tắc
- C. 4 nguyên tắc**
- D. 5 nguyên tắc

Đáp án: C

25. Theo Luật CB, CC năm 2008, bãi nhiệm là gì?

- A. CB không được tiếp tục giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ**
- B. CC không được tiếp tục giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ
- C. CC giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý không được tiếp tục giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ

D. VC giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý không được tiếp tục giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ

Đáp án: A

Câu 26. Theo Luật CB, CC năm 2008, ngạch công chức là gì?

A. Tên gọi thể hiện thứ bậc về năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của công chức

B. Tên gọi thể hiện yêu cầu về trình độ chuyên môn của người dự tuyển công chức

C. Tên gọi thể hiện trật tự, thứ bậc trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp

D. Tên gọi thể hiện yêu cầu của vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính nhà nước

Đáp án: A

Câu 27. Theo Luật CB, CC năm 2008; cán bộ 02 năm liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết như thế nào?

A. Buộc thôi việc

B. Cách chức

C. Miễn nhiệm, cho thôi làm nhiệm vụ

D. Điều động sang cơ quan khác

Đáp án: C

Câu 28. Theo Luật CB, CC năm 2008; cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cán bộ ra quyết định nghỉ hưu trước mấy tháng tính tới ngày cán bộ nghỉ hưu?

A. 1 tháng B. 2 tháng

C. 3 tháng D. 4 tháng

Đáp án: C

Câu 29. Theo Luật CB, CC năm 2008; căn cứ và ngạch được bổ nhiệm, công chức loại A, gồm những ai?

A. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương

B. Những người được bổ nhiệm vào ngạch cán sự và tương đương

C. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương

D. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương

Đáp án: C

Câu 30. Theo Luật CB, CC năm 2008; căn cứ và ngạch được bổ nhiệm, công

chức loại B, gồm những ai?

- A. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương
- B. Những người được bổ nhiệm vào ngạch cán sự và tương đương
- C. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương
- D. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương**

Đáp án: D

Câu 31. Theo Luật CB, CC năm 2008; căn cứ và ngạch được bổ nhiệm, công chức loại C, gồm những ai?

- A. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương**
- B. Những người được bổ nhiệm vào ngạch cán sự và tương đương
- C. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương
- D. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương

Đáp án: A

Câu 32. Theo Luật CB, CC năm 2008; căn cứ và ngạch được bổ nhiệm, công chức loại D, gồm những ai?

- A. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương
- B. Những người được bổ nhiệm vào ngạch cán sự và tương đương**
- C. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương
- D. Những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương

Đáp án: B

Câu 33. Theo quy định của Luật CC, CC năm 2008; việc bổ nhiệm công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phải căn cứ vào?

- A. Tiêu chuẩn, điều kiện của chức vụ lãnh đạo, quản lý
- B. Nhu cầu, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; tiêu chuẩn, điều kiện của chức vụ lãnh đạo, quản lý**
- C. Quy hoạch của cơ quan, đơn vị
- D. Nhu cầu tăng cường công tác của cơ quan, tổ chức, đơn vị

Đáp án: B

Câu 34. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; việc nâng ngạch công chức phải căn cứ vào yếu tố nào sau đây?

- A. Vị trí việc làm và thông qua thi tuyển
- B. Tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch
- C. Vị trí việc làm, phù hợp với cơ cấu ngạch công chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị và được thực hiện thông qua thi nâng ngạch hoặc xét nâng ngạch**
- D. Tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch và phù hợp với nhiệm vụ được giao

Đáp án: C

Câu 35. Nội dung nào sau đây không phải là chuẩn mực pháp lý của CB, CC, VC?

- A. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật
- B. Có ý thức rèn luyện chuyên môn, nghiệp vụ**
- C. Tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng
- D. Có tinh thần trách nhiệm cao với công việc

Đáp án: B

Câu 36. Hiện nay CB, CC dự thi nâng ngạch lên chuyên viên và tương đương phải có thời gian giữ ngạch nhân viên hoặc cán sự (không kể thời gian tập sự, thử việc) là bao nhiêu?

- A. Đủ 12 tháng
- B. Đủ 24 tháng
- C. Đủ 36 tháng**
- D. Đủ 48 tháng

Đáp án: C

Câu 37. Luật cán bộ, công chức năm 2008 quy định một trong các quyền của cán bộ, công chức về tiền lương và các chế độ liên quan đến tiền lương là?

- A. Được hưởng tiền làm thêm giờ, tiền làm đêm, công tác phí và các chế độ khác theo quy định của pháp luật.**
- B. Chỉ được hưởng tiền làm thêm giờ.
- C. Được hưởng tiền làm thêm giờ, tiền làm đêm, không được hưởng công tác phí.
- D. Được hưởng tiền làm thêm giờ và công tác phí, không được hưởng tiền làm đêm.

Đáp án: A

Câu 38. Cán bộ, công chức bị khiển trách hoặc cảnh cáo thì thời gian nâng lương bị kéo dài mấy tháng?

- A. 3 tháng.
- B. 6 tháng.**
- C. 9 tháng.
- D. 12 tháng.

Đáp án: B

Câu 39. Công chức bị kỷ luật giáng chức hoặc cách chức thì thời hạn nâng lương bị kéo dài là bao nhiêu?

- A. 12 tháng
B. 9 tháng
C. 6 tháng
D. 3 tháng

Đáp án: A

Câu 40. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động không hoàn thành nhiệm vụ được giao hằng năm, thì thời hạn nâng lương bị kéo dài là bao nhiêu:

- A. 12 tháng
B. 9 tháng
C. 6 tháng
D. 3 tháng

Đáp án: C

Câu 41. Theo Luật cán bộ, công chức, hình thức kỷ luật nào sau đây không áp dụng đối với cán bộ?

- A. Cảnh cáo.
B. Cách chức.
C. Giáng chức.
D. **Bãi nhiệm.**

Đáp án: D

Câu 42. Theo Luật Cán bộ, công chức, đâu không phải là hình thức kỷ luật đối với công chức

- A. Khiển trách;
B. Cảnh cáo;
C. Cách chức;
D. **Bãi nhiệm.**

Đáp án: D

Câu 43. Theo quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của ủy ban nhân dân tỉnh bình định tại Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 việc Thực hiện xét chuyển ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức khi công chức, viên chức thay đổi vị trí việc làm mà ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức đang giữ không phù hợp với vị trí việc làm mới do đơn vị nào quyết định?

- A. UBND huyện
B. Sở Nội vụ tỉnh Bình Định
C. UBND tỉnh Bình Định
D. Tất cả đều sai

Đáp án: A

Câu 44: Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 5/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp cán bộ công chức, viên chức và người lao động, phải thực hiện những nội dung nào?

A. Thực hiện nghiêm các quy định về đạo đức, văn hóa giao tiếp của người cán bộ, công chức, viên chức; không sử dụng thời giờ làm việc để làm việc riêng; thực

hiện đúng quy định trong văn hóa hội họp; không hút thuốc lá trong phòng làm việc, phòng họp, hội trường; nghiêm cấm sử dụng rượu bia, đồ uống có cồn trong giờ làm việc, giờ nghỉ trưa của ngày làm việc, ngày trực; không được vào casino đánh bạc dưới mọi hình thức.

B. Nghiêm cấm lợi dụng chức năng, nhiệm vụ để gây những nhiễu, phiền hà, trục lợi khi xử lý, giải quyết công việc có liên quan đến người dân và doanh nghiệp; Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính phải bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

C. Tất cả các nội dung nêu trên.

Đáp án C

Câu 45: Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc gì?

A. Tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc

B. Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng.

C. Cải cách hành chính, tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động, đổi mới công nghệ quản lý.

Đáp án A

Câu 46. Đề án Văn hóa công vụ được phê duyệt tại Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ, gồm mấy nội dung?

A. 4

B. 5

C. 6

Đáp án A

Câu 47: Đâu không phải là nội dung thuộc Đề án Văn hóa công vụ được phê duyệt tại Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ?

A. Kỷ luật công vụ cán bộ, công chức, viên chức;

B. Chuẩn mực giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức;

C. Chuẩn mực về đạo đức, lối sống của cán bộ, công chức, viên chức;

Đáp án A

Câu 48: Đâu là nội dung chuẩn mực giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức theo Đề án Văn hóa công vụ được phê duyệt tại Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ?

A. Trong giao tiếp với người dân, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng, lắng nghe, tận tình hướng dẫn về quy trình xử lý công việc và giải thích cặn kẽ những thắc mắc của người dân. Thực hiện “4 xin, 4 luôn”: xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép; luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ;

B. Đối với đồng nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức phải có tinh thần hợp tác, tương trợ trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ; không bè phái gây mất đoàn kết nội bộ của cơ quan, tổ chức;

C. Tất cả các phương án trên.

Đáp án C

Câu 49. Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ quy định văn hóa công vụ có bao nhiêu nội dung?

A. 4 nội dung

B. 5 nội dung

C. 6 nội dung

D. 7 nội dung

Đáp án A

Câu 50. Hiện nay Quy chế văn hóa công vụ tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện An Lão được quy định tại quyết định nào?

A. QĐ số 3625/QĐ-UBND ngày 11/10/2022

B. QĐ số 3624/QĐ-UBND ngày 11/10/2022

C. QĐ số 3628/QĐ-UBND ngày 15/10/2022

D. QĐ số 3625/QĐ-UBND ngày 11/10/2023

Đáp án A

PHẦN 5. CẢI CÁCH TTHC, TÌM HIỂU VỀ CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG

Câu 1. Các nguyên tắc trong tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của các cá nhân, tổ chức đối với các thủ tục hành chính?

A. Tuân thủ pháp luật. Công bằng, bình đẳng.

B. Công khai, minh bạch. Vui vẻ, lịch sự.

C. Tuân thủ pháp luật. Công khai, minh bạch. Quy trình cụ thể, rõ ràng, thống nhất. Thủ tục tiếp nhận đơn giản, thuận tiện. Tiếp nhận, xử lý đúng thẩm quyền. Phối hợp trong xử lý phản ánh, kiến nghị.

D. Phải giữ bí mật tuyệt đối thông tin người phản ánh, kiến nghị.

Đáp án: D

Câu 2. Phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính được thực hiện thông qua những hình thức nào?

A. Văn bản, điện thoại, phiếu khảo sát.

B. Văn bản, điện thoại, phiếu lấy ý kiến, thông điệp dữ liệu được gửi qua thư điện tử.

C. Văn bản, điện thoại, phỏng vấn, đơn kiến nghị.

D. Trực tiếp tại cơ quan.

Đáp án: B

Câu 3. Trách nhiệm của cán bộ, công chức trong việc thực hiện tiếp nhận phản ánh, kiến nghị?

A. Vui vẻ, lịch sự khi tiếp nhận phản ánh, kiến nghị.

B. Thực hiện tiếp nhận 24/24h. Không gây khó khăn, nhưng nhiều khi tiếp nhận phản ánh, kiến nghị.

C. Không chậm trễ hoặc gây khó khăn, nhưng nhiều khi tiếp nhận phản ánh, kiến nghị. Tuân thủ đúng quy trình, thời hạn tiếp nhận.

D. Tuân thủ đúng quy trình, thời hạn tiếp nhận. Giữ bí mật về tên, địa chỉ của người phản ánh, kiến nghị.

Đáp án: C

Câu 4. Cơ quan nào sau đây có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh về kiểm soát thủ tục hành chính?

A. Sở Tư pháp;

B. Văn phòng UBND tỉnh;

C. Trung tâm Hành chính công tỉnh;

D. Sở Nội vụ.

Đáp án: B

Câu 5. Kiểm soát TTHC được hiểu là?

A. Là việc xem xét, đánh giá, theo dõi nhằm bảo đảm tính khả thi của quy định về thủ tục hành chính.

B. Là việc đánh giá các cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.

C. Là việc khảo sát tính khả thi của quy định về thủ tục hành chính.

D. Là việc xem xét yêu cầu công khai, minh bạch trong quá trình tổ chức thực hiện thủ tục hành chính.

Đáp án: A

Câu 6. Kiểm soát TTHC được thực hiện từ thời điểm nào?

A. Ngay khi dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và được tiến hành thường xuyên, liên tục trong quá trình tổ chức thực hiện thủ tục hành chính;

B. Ngay từ khi đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và được tiến hành thường xuyên, liên tục trong quá trình tổ chức thực hiện thủ tục hành chính;

C. Ngay từ khi văn bản quy phạm pháp luật được ban hành;

D. Từ khi bắt đầu tổ chức thực hiện thủ tục hành chính.

Đáp án: B

Câu 7. Theo nguyên tắc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông thì việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện bao nhiêu lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ?

A. Không quá một lần.

B. Không quá hai lần.

C. Không quá ba lần.

D. Tùy từng trường hợp cụ thể.

Đáp án: A

Câu 9. Cơ quan không bắt buộc áp dụng cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông:

A. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh

B. UBND quận, huyện, thị xã thành phố thuộc tỉnh

C. Các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại địa phương

D. Các đơn vị sự nghiệp công lập

Đáp án: D

Câu 10. Cơ quan công bố TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông ở địa phương là:

A. UBND cấp huyện

B. Bộ Tư pháp

C. UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

D. Văn phòng Chính phủ

Đáp án: C

Câu 11. Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC là:

A. Nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp.

B. Gửi hồ sơ, nhận kết quả thông qua dịch vụ bưu chính

C. Gửi hồ sơ, nhận kết quả trực tuyến.

D. Nộp, gửi hồ sơ, nhận kết quả kết hợp tất cả các hình thức trên.

Đáp án: D

Câu 12. Nguyên tắc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông là:

- A. Bổ sung hồ sơ chỉ được thực hiện không quá một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ.**
- B. Thực hiện chuyển hồ sơ kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
- C. Thời hạn thông báo trả hồ sơ phải trong thời hạn giải quyết hồ sơ theo quy định
- D. Hồ sơ quá hạn giải quyết phải kèm theo văn bản xin lỗi.

Đáp án: A

Câu 13. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã có chức năng:

- A. Hướng dẫn thủ tục hành chính
- B. Hướng dẫn, tiếp nhận thủ tục hành chính
- C. Hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính
- D. Hướng dẫn, tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính**

Đáp án: D

Câu 14. Nội dung nào không phải là quyền hạn của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện

- A. Giám sát, đôn đốc việc giải quyết TTHC của các phòng, ban chuyên môn.
- B. Đánh giá, nhận xét công chức, viên chức làm việc tại bộ phận.
- C. Điều động, luân chuyển công chức, viên chức vi phạm quy chế của Trung tâm.**
- D. Đề nghị các phòng ban khen thưởng công chức, viên chức có thành tích

Đáp án: C

Câu 15. Theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ thực hiện Cơ chế “một cửa” một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, quy định những người làm việc tại bộ phận một cửa cấp huyện gồm những ai?

- A. Lãnh đạo, CC, VC Văn phòng HĐND&UBND huyện cấp huyện.
- B. Các CC của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện được trung tập.
- C. Các VC của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện.
- D. chỉ A và B**

Đáp án: D

Câu 16. Theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ thực hiện Cơ chế “một cửa” một cửa liên thông trong giải quyết TTHC được thực hiện theo mấy nguyên tắc?

- A. 4 nguyên tắc
- B. 5 nguyên tắc
- C. 6 nguyên tắc
- D. 7 nguyên tắc**

Đáp án: D

Câu 17. Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. Khi kiểm tra hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì phải hướng dẫn để tổ chức, cá nhân đến đâu để giải quyết?

- A. UBND cấp xã.
- B. UBND cấp huyện.
- C. UBND cấp tỉnh
- D. Cơ quan có thẩm quyền.**

Đáp án: D

Câu 18. Cơ quan nào có thẩm quyền cấp bản sao từ sổ gốc?

- A. Ủy ban nhân dân cấp xã.
- B. Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- C. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- D. Cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc.**

Đáp án: D

Câu 19. Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thì do đơn vị nào xin lỗi?

- A. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.
- B. Cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ.**
- C. Cá nhân tiếp nhận và xử lý hồ sơ
- D. Tất cả phương án đều đúng

Đáp án: B

Câu 20. Hồ sơ tiếp nhận và giải quyết đúng hạn nhưng tổ chức, cá nhân chưa đến nhận theo giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả thì kết quả giải quyết hồ sơ được lưu giữ ở đâu?

- A. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.**

B. Cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ.

C. A và B đều đúng

D. A và B đều sai

Đáp án: A

Câu 21. Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương áp dụng hiện nay được Chính phủ ban hành tại văn bản nào?

A. Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg.

B. Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg.

C. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

D. Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg.

Đáp án: C

Câu 22. Theo chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030, vào năm 2030, yêu cầu đặt ra về tỷ lệ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan nhà nước đó là phải đạt tối thiểu bao nhiêu?

A. Trên 85%

B. Trên 90%

C. Trên 95%

D. Từ 95 đến 100%

Đáp án: C

Câu 23. Theo chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030, vào năm 2030, tỷ lệ hài lòng của cá nhân đối với cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập phải đạt tối thiểu bao nhiêu?

A. Trên 85%

B. Trên 90%

C. Trên 95%

D. Từ 95 đến 100%

Đáp án: B

Câu 24. Để tổ chức thực hiện các quy định về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, Chính phủ đã ban hành văn bản nào?

A. Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010

B. Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017

C. Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013

D A, B, C đều đúng

Đáp án: D

Câu 25. Theo quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục

hành chính, quy định cơ quan nào có trách nhiệm hướng dẫn thống nhất việc kết nối, cung cấp thông tin của các hệ thống thông tin một cửa trên phạm vi cả nước?

- A. Bộ Nội vụ
B. Văn Phòng chính phủ
C. Bộ thông tin và Truyền thông
D. Cả 3 phương án trên

Đáp án: c

Câu 26. Theo quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, quy định những hành vi mà tổ chức, cá nhân không được làm trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông?

- A. Cản trở việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân
B. Dùng các thủ đoạn khác để lừa dối, hối lộ cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính
C. Nhận xét, đánh giá thiếu khách quan, không công bằng, không trung thực, không đúng pháp luật

D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Đáp án: D

Câu 27. Theo quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, quy định những hành vi mà công chức viên chức không được làm trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông?

- A. Cửa quyền, sách nhiễu, gây phiền hà, khó khăn cho tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính;
B. Ứng xử, giao tiếp không phù hợp với quy chế văn hóa công sở;
C. Cản trở tổ chức, cá nhân lựa chọn hình thức nộp hồ sơ, nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật

D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Đáp án: D

Câu 28. Theo quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thì nội dung nào sau đây là nguyên tắc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông?

- A. Lấy sự hài lòng của nhân dân là thước đo chất lượng và hiệu quả phục vụ của cán bộ, công chức và cơ quan có thẩm quyền.
B. Lấy sự hài lòng của doanh nghiệp là thước đo chất lượng và hiệu quả phục vụ của công chức, viên chức và cơ quan có thẩm quyền.

C. Lấy sự hài lòng của tổ chức, cá nhân là thước đo chất lượng và hiệu quả phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan có thẩm quyền.

D. Lấy sự hài lòng của tổ chức, cá nhân là chuẩn mực và hiệu quả phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước

Đáp án: C

Câu 29. Theo Nghị định 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, đối tượng thực hiện thủ tục hành chính (cá nhân, tổ chức) bị nghiêm cấm thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Cản trở hoạt động của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền

B. Đưa hối lộ

C. Dùng các thủ đoạn để lừa dối cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong thực hiện thủ tục hành chính

D. Tất cả 3 phương án trên

Đáp án: D

Câu 30. Theo Nghị định 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, nội dung nào sau đây là trách nhiệm của CB, CC được phân công thực hiện thủ tục hành chính?

A. Trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính chỉ tuân thủ theo sự chỉ đạo của thủ trưởng cơ quan.

B. Phải tạo thuận lợi cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính; có tác phong, thái độ lịch sự, nghiêm túc, khiêm tốn

C. Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ của cá nhân, tổ chức theo chỉ đạo của thủ trưởng cơ quan

D. Độc lập trong giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức

Đáp án: B

Câu 31. Theo Nghị định 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, nội dung nào sau đây là quyền và nghĩa vụ của đối tượng thực hiện thủ tục hành chính?

A. Không được khiếu nại, tố cáo, khởi kiện các quyết định hành chính và hành vi hành chính

B. Không phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác của các giấy tờ có trong hồ sơ

C. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện các quyết định hành chính và hành vi hành chính theo quy định của pháp luật

D. Thực hiện mọi cách để được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết công việc

Đáp án: C

Câu 32. Theo Nghị định 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, nội dung nào sau đây là tiêu chí đánh giá tác động của thủ tục hành chính?

- A. Sự cần thiết của văn bản quy phạm pháp luật
- B. Tính hợp lý của văn bản quy phạm pháp luật
- C. Tính hợp pháp của văn bản quy phạm pháp luật

D. Các chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

Đáp án: D

Câu 33. Theo Nghị định 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, thì thủ tục hành chính được quy định phải đảm bảo nguyên tắc nào sau đây?

- A. Đơn giản, dễ hiểu và dễ thực hiện
- B. Niêm yết công khai, đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính tại Quyết định công bố thủ tục hành chính
- C. Bảo đảm giải quyết công việc nhanh chóng, thuận tiện cho cá nhân, tổ chức
- D. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong giải quyết công việc của cá nhân, tổ chức

Đáp án: A

Câu 34. Theo Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/6/2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, quy định thủ tục hành chính đã được người có thẩm quyền công bố phải được công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời theo các hình thức nào?

- A. Công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính
- B. Công khai tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thông qua việc niêm yết hoặc sử dụng các hình thức điện tử phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật trên cơ sở quyết định công bố thủ tục hành chính hoặc kết xuất, kết nối, tích hợp dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính
- C. Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên cơ sở kết nối, tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính

D. Cả 3 phương án trên

Đáp án: D

Câu 35. Theo quy định tại Nghị định 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Bộ phận Một cửa các cấp có trách nhiệm bố trí trụ sở, trang thiết bị như thế nào?

A. Bố trí khu vực cung cấp thông tin, thủ tục hành chính; khu vực tiếp nhận và trả kết quả được chia thành từng quầy tương ứng với một hoặc một số lĩnh vực khác nhau, trong đó căn cứ vào quy mô, diện tích có thể tổ chức quầy hướng dẫn hoặc quầy dành riêng cho người cao tuổi; bố trí đủ ghế ngồi chờ, bàn để viết, máy tính có kết nối mạng dành cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch, thực hiện dịch vụ công trực tuyến; lắp đặt camera theo dõi toàn bộ khu vực làm việc của Bộ phận Một cửa có kết nối với cơ quan nhà nước cấp trên và trong toàn hệ thống.

B. Bố trí khu vực cung cấp thông tin, thủ tục hành chính; khu vực tiếp nhận và trả kết quả được chia thành từng quầy tương ứng với một hoặc một số lĩnh vực khác nhau, trong đó căn cứ vào quy mô, diện tích có thể tổ chức quầy hướng dẫn hoặc quầy dành riêng cho người cao tuổi, phụ nữ mang thai, người khuyết tật; bố trí đủ ghế ngồi chờ, bàn để viết, máy tính có kết nối mạng dành cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch, thực hiện dịch vụ công trực tuyến; lắp đặt camera theo dõi toàn bộ khu vực làm việc của Bộ phận Một cửa có kết nối với cơ quan nhà nước cấp trên và trong toàn hệ thống; bố trí khu vực đặt các trang thiết bị: máy lấy số xếp hàng tự động kết nối tới Hệ thống thông tin một cửa điện tử; các màn hình cảm ứng phục vụ tổ chức, cá nhân tra cứu thông tin, thủ tục hành chính, tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính, đánh giá mức độ hài lòng; thiết bị phục vụ số hóa hồ sơ, tài liệu; bố trí khu vực cung cấp dịch vụ thực hiện các nhiệm vụ khác được giao theo quy định của pháp luật.

C. Bố trí khu vực cung cấp thông tin, thủ tục hành chính; khu vực tiếp nhận và trả kết quả được chia thành từng quầy tương ứng với một hoặc một số lĩnh vực khác nhau, trong đó căn cứ vào quy mô, diện tích có thể tổ chức quầy hướng dẫn hoặc quầy dành riêng cho phụ nữ mang thai, người khuyết tật; bố trí đủ ghế ngồi chờ, bàn để viết, máy tính có kết nối mạng dành cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch, thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

D. Bố trí khu vực cung cấp thông tin, thủ tục hành chính; khu vực tiếp nhận và trả kết quả được chia thành từng quầy tương ứng với một hoặc một số lĩnh vực khác nhau, trong đó căn cứ vào quy mô, diện tích có thể tổ chức quầy hướng dẫn hoặc quầy dành riêng cho người cao tuổi, phụ nữ mang thai, người khuyết tật; bố trí đủ bàn để viết, máy tính có kết nối mạng dành cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch, thực hiện dịch vụ công trực tuyến

Đáp án: B.

Câu 36. Theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Lưu trữ điện tử đối với hồ sơ thủ tục hành chính được quy định như thế nào?

A. Đối với các hồ sơ, giấy tờ được số hóa nhưng không thuộc dữ liệu của các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin dịch vụ công của bộ, ngành, địa phương thì được lưu trữ điện tử tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.

B. Đối với các hồ sơ, giấy tờ được số hóa được lưu trữ điện tử tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin dịch vụ công của bộ, ngành, địa phương và lưu trữ điện tử tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.

C. Đối với các hồ sơ, giấy tờ được số hóa chỉ được lưu trữ điện tử tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.

Đáp án: A.

Câu 37. Theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại trụ sở Bộ phận Một cửa và tại cơ quan có thẩm quyền không được thực hiện các hành vi nào?

A. Từ chối thực hiện giải quyết thủ tục hành chính hoặc tự ý yêu cầu bổ sung hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật; trực tiếp giao dịch, yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không thông qua Bộ phận Một cửa, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; đùn đẩy trách nhiệm, thiếu hợp tác, thiếu công bằng, không khách quan, không đúng pháp luật trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính;

B. Từ chối thực hiện, kéo dài thời gian giải quyết thủ tục hành chính hoặc tự ý yêu cầu bổ sung hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật; trực tiếp giao dịch, yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không thông qua Bộ phận Một cửa, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; đùn đẩy trách nhiệm, thiếu hợp tác, không đúng pháp luật trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính;

C. Từ chối thực hiện, kéo dài thời gian giải quyết thủ tục hành chính hoặc tự ý yêu cầu bổ sung hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật; trực tiếp giao dịch, yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không thông qua Bộ phận Một cửa, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; đùn đẩy trách nhiệm, thiếu hợp tác, thiếu công bằng, không khách quan, không đúng pháp luật trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính;

Đáp án: C

Câu 38. Theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính được giải thích như thế nào?

A. Là phương thức phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết một thủ tục hành chính hoặc một nhóm thủ tục hành chính có liên quan với nhau.

B. Là phương thức phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong tiếp nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết một thủ tục hành chính hoặc một nhóm thủ tục hành chính có liên quan với nhau, theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân thông qua Bộ phận Một cửa quy định tại Khoản 2, Điều 3 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

C. Là phương thức phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân thông qua Bộ phận Một cửa quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

Đáp án B

Câu 39. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ phải tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?

A. Lấy sự hài lòng của tổ chức, cá nhân là thước đo chất lượng và hiệu quả phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan có thẩm quyền.

B. Việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được quản lý tập trung, thống nhất.

C. Cả 02 nguyên tắc trên.

Đáp án: C.

Câu 40. Nguyên tắc nào sau đây không phải là nguyên tắc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ?

A. Lấy sự hài lòng của tổ chức, cá nhân là thước đo chất lượng và hiệu quả phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan có thẩm quyền.

B. Không làm phát sinh chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân ngoài quy định của pháp luật.

C. Làm việc tập thể, thảo luận và quyết định theo đa số.

Đáp án: C.

Câu 41. Theo Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Bình định ban hành Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 giai đoạn 2022 – 2027”, mục tiêu đến năm 2027, Phần đầu tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ đối với

các thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đạt tỉ lệ bao nhiêu?

- A. Trên 40%
- B. Trên 50%**
- C. Trên 60%
- D. 100%

Đáp án B

Câu 42. Theo Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Bình định ban hành Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 giai đoạn 2022 – 2027, có bao nhiêu giải pháp thực hiện?

- A. 5 giải pháp**
- B. 6 giải pháp
- C. 7 giải pháp
- D. 8 giải pháp

Đáp án A

Câu 43. Đâu là đối tượng thực hiện Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Bình định ban hành Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 giai đoạn 2022 – 2027?

- A. Đoàn viên, thanh niên là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các cơ quan, đơn vị nhà nước.
- B. Đoàn viên, thanh niên là học sinh, sinh viên tại các trường trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học; Đoàn viên, thanh niên của các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh
- C. Đoàn viên, thanh niên đang sinh sống tại địa bàn khu dân cư.
- D. Tất cả các đáp án trên**

Đáp án D

Câu 44. Theo Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Bình định ban hành Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 giai đoạn 2022 – 2027, phần đầu đạt bao nhiêu % hồ sơ thủ tục hành chính do đoàn viên, thanh niên thực hiện được giao dịch bằng hình thức trực tuyến?

- A. 50%
- B. 70%**

C. 80%

D. 100%

Đáp án C

Câu 45. Theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Hồ sơ, giấy tờ được lưu trữ điện tử sau khi thủ tục hành chính được giải quyết thành công có giá trị như thế nào so với hồ sơ, giấy tờ bằng giấy?

A. Có giá trị tương đương bản giấy và được tái sử dụng trong thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính.

B. Không có giá trị tương đương bản giấy và được tái sử dụng trong thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính.

C. Có giá trị hơn và lưu trữ lâu dài hơn so với hồ sơ, giấy tờ bằng giấy.

Đáp án: A

Câu 46. Theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Lưu trữ điện tử đối với hồ sơ thủ tục hành chính được quy định như thế nào?

A. Đối với các hồ sơ, giấy tờ được số hóa nhưng không thuộc dữ liệu của các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin dịch vụ công của bộ, ngành, địa phương thì được lưu trữ điện tử tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.

B. Đối với các hồ sơ, giấy tờ được số hóa được lưu trữ điện tử tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin dịch vụ công của bộ, ngành, địa phương và lưu trữ điện tử tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.

C. Đối với các hồ sơ, giấy tờ được số hóa chỉ được lưu trữ điện tử tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.

Đáp án: A.

Câu 47. Hồ sơ, giấy tờ phải thực hiện số hóa theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính?

A. Giấy tờ trong thành phần hồ sơ mà cá nhân, tổ chức nộp là kết quả giải quyết của thủ tục hành chính trước đó; kết quả xử lý hồ sơ của các cơ quan, đơn

vị tham gia trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; kết quả giải quyết của thủ tục hành chính.

B. Giấy tờ trong thành phần hồ sơ mà cá nhân, tổ chức đã nộp để giải quyết thủ tục hành chính trước đó; kết quả xử lý hồ sơ của các cơ quan, đơn vị tham gia trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; kết quả giải quyết của thủ tục hành chính.

C. Cả 2 phương án trên.

Đáp án: A.

Câu 48. Đâu là nội dung đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ?

A. Gắn kết việc số hoá hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính với quá trình tiếp nhận, xử lý thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa tạo cơ sở hình thành dữ liệu sống, sạch, đủ và chính xác.

B. Đổi mới cách thức bố trí các ô, quầy; nâng cao văn hoá giao tiếp, văn hoá công vụ của cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận một cửa.

C. Cả 2 phương án trên.

Đáp án A.

Câu 49. Theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, tỷ lệ số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính năm 2022 tại Bộ phận Một cửa cấp xã?

A. 25%

B. 30%

C. 35%

D. 45%

Đáp án: B.

Câu 50. Theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, tỷ lệ số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính năm 2022 tại Bộ phận Một cửa cấp huyện?

A. 50%.

B. 60%.

C. 70%.

D. 80%

Đáp án A

Câu 51. Đây là mục tiêu cụ thể của năm 2022 nêu tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính?

A. 100% thủ tục hành chính các cấp được công khai đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận một cửa các cấp.

B. Hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm xã hội và đất đai với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh phục vụ việc giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa các cấp.

C. Hoàn thành công bố tất cả các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

Đáp án: B.

Phần 6: CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

Câu 1. Phòng Tài chính – Kế hoạch là cơ quan được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ nào về CCHC?

A. Cải cách thể chế

B. Cải cách thủ tục hành chính

C. Cải cách tổ chức bộ máy

D. Cải cách tài chính công

Đáp án: D

Câu 2. Việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để tổ chức lễ động thổ, lễ khởi công, lễ khánh thành chỉ được thực hiện đối với các công trình nào?

A. Công trình quan trọng quốc gia.

B. Công trình có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của địa phương.

C. Mọi công trình.

D Chỉ A và B.

Đáp án: D

Câu 3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chỉ được áp dụng trong:

A. Quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; tiền, tài sản của nhà nước và tài nguyên của thiên nhiên

B. Sử dụng tài sản và tài nguyên thiên nhiên

C. Quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động ngoài khu vực nhà nước.

D. Tất cả đều sai

Đáp án: A

Câu 4. Cán bộ, công chức trong cơ quan, tổ chức sử dụng kinh phí ngân sách hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước mua sắm tài sản, hàng hóa, thanh toán dịch vụ được người bán, người cung cấp dịch vụ hoa hồng thì phải làm gì?

- A. Giữ lại
B. Mua sắm cá nhân
C. Nộp lại cho cơ quan, tổ chức
D. A và b đúng, c sai

Đáp án: C

Câu 5. Theo Quyết định số 4238/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND huyện Ban hành Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 28-KH/HU ngày 26/10/2021 của Huyện ủy về thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy, có bao nhiêu nhiệm vụ cải cách tài chính công quy định tại Phụ lục của Kế hoạch?

- A. 2
B. 3
C. 4
D. 5

Câu 6. Nội dung nào dưới là mục tiêu của quản lý tài chính công ở nước ta?

- A. Quản lý tài chính công là loại quản lý hành chính nhà nước
B. Quản lý tài chính công được thực hiện bởi một hệ thống các cơ quan Nhà nước và tuân thủ những quy phạm pháp luật của Nhà nước
C. Quản lý tài chính công là một phương thức quan trọng trong điều tiết các nguồn lực tài chính nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước đối với xã hội

D. Bảo đảm kỷ luật tài khóa tổng thể

Đáp án: D

Câu 7. Nội dung nào dưới đây không phải là nguyên tắc quản lý tài chính công ở nước ta?

- A. Nguyên tắc tập trung dân chủ
B. Nguyên tắc tăng lợi nhuận
C. Nguyên tắc hiệu quả
D. Nguyên tắc thống nhất

Đáp án: B

Câu 8. Nội dung nào dưới đây không phải là đặc trưng của tài chính công ở nước ta?

- A. Tài chính công phục vụ cho lợi ích chung của cộng đồng, không vì chi phối bởi lợi ích cá biệt

B. Chi tiêu tài chính công không cần hạch toán chi tiết

C. Tài chính công mang tính chính trị

D. Tài chính công mang tính lịch sử

Đáp án: B

Câu 9. Nội dung nào dưới đây không phải là đặc điểm quản lý tài chính công ở nước ta?

A. Quản lý tài chính công là loại quản lý hành chính nhà nước

B. Quản lý tài chính công được thực hiện bởi một hệ thống các cơ quan Nhà nước và tuân thủ những quy phạm pháp luật của Nhà nước

C. Quản lý tài chính công là một phương thức quan trọng trong điều tiết các nguồn lực tài chính nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước đối với xã hội

D. Quản lý tài chính công nhằm mục đích phát triển kinh tế

Đáp án: D

Câu 10. Nội dung nào dưới đây không phải là nội dung của quản lý chi ngân sách nhà nước ta?

A. Ban hành các chính sách, chế độ và định mức chi về ngân sách

B. Tổ chức, điều hành chi ngân sách nhà nước

C. Phân phối đúng đối tượng hưởng ngân sách nhà nước

D. Kiểm tra, giám sát chi ngân sách nhà nước

Đáp án: C

Câu 11. Hiện nay để thực hiện tốt chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, Chính phủ đã ban hành văn bản nào?

A. Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005

B. Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013

C. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021

D. a và b đúng c sai

Đáp án: D

Câu 12. Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước có hiệu lực sau bao nhiêu ngày, kể từ ngày đăng công báo?

A. 13

B. 14

C. 15

D. 16

Đáp án: C

Câu 13. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập có hiệu lực thi hành kể từ ngày nào?

A. 15/7/2021

B. **15/8/2021**

C. 15/9/2021

D. 15/10/2021

Đáp án: B

Câu 14. Theo quy định hiện hành, đâu là phạm vi sử dụng kinh phí tiết kiệm được theo chế độ tự chủ?

A. Chi khen thưởng: Chi khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể, cá nhân theo kết quả công việc và thành tích đóng góp ngoài chế độ khen thưởng theo quy định hiện hành của Luật thi đua khen thưởng

B. Chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của cán bộ, công chức; trợ cấp khó khăn đột xuất cho cán bộ, công chức, kể cả đối với những trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho người lao động trong biên chế khi thực hiện tinh giản biên chế

C. Trong năm, cơ quan thực hiện chế độ tự chủ được tạm ứng từ dự toán đã giao thực hiện chế độ tự chủ để chi thu nhập tăng thêm, chi cho các hoạt động phúc lợi, chi bổ sung phục vụ các hoạt động nghiệp vụ

D. A, B, C đều đúng

Câu 15. Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước có hiệu lực kể từ thời gian nào?

A. 01/12/2013

B. **01/01/2014**

C. 01/02/2014

D. 01/03/2014

Đáp án: B

Câu 16. Anh chị hãy cho biết đâu là nghĩa vụ tài chính, quản lý tài sản nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị sự nghiệp công

A. Đơn vị sự nghiệp công có hoạt động dịch vụ thực hiện đăng ký, kê khai, nộp đủ thuế và các khoản thu ngân sách khác (nếu có) theo quy định của pháp luật

B. Đơn vị sự nghiệp công có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

C. Đơn vị sự nghiệp công có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, gửi cơ quan quản lý cấp trên.

D. A, B, C đều đúng

Đáp án: D

Câu 17. Luật số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 của Quốc hội quy định Luật ngân sách nhà nước có hiệu lực thi hành khi nào?

A. 01/01/2016

B. **01/01/2017**

C. 01/01/2018

D. Kể từ ngày ký ban hành

Đáp án: B

Câu 18. Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước có hiệu lực thi hành kể từ thời gian nào?

A. Kể từ ngày ký văn bản

B. 01/03/2016

C. **01/01/2017**

D. 01/04/2016

Đáp án: c

Câu 19. Tại Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/02/2016 Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước, trình tự thực hiện quyết toán ngân sách huyện được thực hiện như thế nào là đúng?

A. Cơ quan tài chính cấp huyện thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách xã đã được Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn; thẩm định, xét duyệt quyết toán ngân sách các đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp mình; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện được giao và quyết toán thu, chi ngân sách huyện trình Ủy ban nhân dân cấp huyện để gửi Ban kinh tế - xã hội của Hội đồng nhân dân cấp huyện để thẩm tra, đồng thời gửi Sở Tài chính

B. Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết toán ngân sách để cho ý kiến. Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách

C. Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày báo cáo quyết toán được phê chuẩn, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo quyết toán ngân sách huyện cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính

D. Cả 3 phương án đều đúng

Đáp án: D

Câu 20. Theo quy định tại thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày , trình tự quyết toán ngân sách xã hàng năm được thực hiện như thế nào là đúng?

A. Quyết toán chi ngân sách xã không được lớn hơn quyết toán thu ngân sách xã. Kết dư ngân sách xã là số chênh lệch lớn hơn giữa số thực thu và số thực chi ngân

sách xã. Toàn bộ kết dư ngân sách năm trước (nếu có) được chuyển vào thu ngân sách năm sau

B. Sau khi Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn, báo cáo quyết toán được lập thành 05 bản để gửi cho Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch (để làm thủ tục ghi thu kết dư ngân sách), lưu bộ phận tài chính, kế toán xã

C. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện có trách nhiệm thẩm định báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách xã, trường hợp có sai sót phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện yêu cầu Hội đồng nhân dân xã điều chỉnh

D. Cả 3 phương án đều đúng

Đáp án: D

Câu 21. Mục tiêu thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính

A. Tạo điều kiện cho các cơ quan chủ động trong việc sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính một cách hợp lý nhất để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Thúc đẩy việc sắp xếp, tổ chức bộ máy tinh gọn, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng lao động, kinh phí quản lý hành chính.

B. Nâng cao hiệu suất lao động, hiệu quả sử dụng kinh phí quản lý hành chính, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức. Thực hiện quyền tự chủ đồng thời gắn với trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị và cán bộ, công chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

C. Cả 2 đáp án trên

Đáp án C

Câu 22. Phân cấp ngân sách nhà nước là:

A. quá trình phân chia quyền lực hành pháp giữa Trung ương và các cấp địa phương.

B. quá trình phân chia các khoản thu giữa Trung ương và các cấp địa phương.

C. quá trình phân chia các khoản thu và chi giữa Ngân sách Trung ương và các cấp ngân sách địa phương.

D. quá trình phân chia các nhiệm vụ chi giữa Ngân sách Trung ương và các cấp ngân sách địa phương.

Đáp án C

Câu 23. Cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công là:

A. Các quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện quy định về danh mục sự nghiệp công.

B. Các quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện quy định tự chủ sử dụng nguồn tài chính; tự chủ trong hoạt động liên doanh, liên kết.

C. Các quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện quy định về danh mục sự nghiệp công; giá, phí và lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công; phân loại mức độ tự chủ tài chính; tự chủ sử dụng nguồn tài chính; tự chủ trong hoạt động liên doanh, liên kết; quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định khác có liên quan.

D. cả 3 đáp án đều đúng

Đáp án C

Câu 24. Theo quy định Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập quy định: Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên giao tự chủ (nếu có), đơn vị sự nghiệp công được sử dụng Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp bao nhiêu:

- A. Trích tối thiểu 15%;
- B. Trích tối thiểu 25%;**
- C. Trích tối thiểu 35%;
- D. trích tối thiểu 45%

Đáp án B

Câu 25. Theo quy định Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước. Cơ quan được sử dụng kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được, chi bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức: cơ quan thực hiện chế độ tự chủ được áp dụng hệ số tăng thêm quỹ tiền lương tối đa không quá bao nhiêu lần so với mức tiền lương cấp bậc, chức vụ do nhà nước quy định để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức.

- A. Tối đa không quá 0,5 lần
- B. Tối đa không quá 0,7 lần
- C. Tối đa không quá 1,0 lần**
- D. Tối đa không quá 1,2 lần

Đáp án C

Câu 26. Theo quy định Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập quy định: Để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi của đơn vị; góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo

hợp đồng; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong đơn vị; trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức, hoàn cảnh khó khăn; chi thêm cho người lao động thực hiện tình giản biên chế; chi hỗ trợ hoạt động xã hội, từ thiện sử dụng Quỹ nào:

- A. Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp
- B. Quỹ bổ sung thu nhập
- C. Quỹ phúc lợi**
- D. Cả 3 đáp án đều đúng

Đáp án C

PHẦN 7. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ

Câu 1: Theo Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 24/4/2024 của UBND huyện An Lão về chuyển đổi số huyện An Lão năm 2024, tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt bao nhiêu %.

- A. Trên 50%
- B. Trên 55%
- C. Trên 60%**
- D. Trên 65%

Đáp án: C. Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 60%.

Câu 2: Theo Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 24/4/2024 của UBND huyện An Lão về chuyển đổi số huyện An Lão năm 2024, tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt bao nhiêu %.

- A. Trên 60%
- B. Trên 70%
- C. Trên 80%
- D. Trên 90%**

Đáp án: D. Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 90%.

Câu 3: Theo Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 24/4/2024 của UBND huyện An Lão về chuyển đổi số huyện An Lão năm 2024, tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt bao nhiêu %.

- A. Trên 60%**

B. Trên 70%

C. Trên 80%

D. Trên 90%

Đáp án: A. Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 60%.

Câu 4: Theo Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 24/4/2024 của UBND huyện An Lão về chuyển đổi số huyện An Lão năm 2024, bao nhiêu % thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

A. 85%

B. 90%

C. 95%

D. 100%

Đáp án: D. 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Câu 5: Theo Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 24/4/2024 của UBND huyện An Lão về chuyển đổi số huyện An Lão năm 2024, bao nhiêu % Ủy ban nhân dân cấp xã có hệ thống Đài truyền thanh thông minh.

A. 70%

B. 80%

C. 90%

D. 100%

Đáp án: D. 100% Ủy ban nhân dân cấp xã có hệ thống Đài truyền thanh thông minh.

Câu 6: Theo Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 24/4/2024 của UBND huyện An Lão về chuyển đổi số huyện An Lão năm 2024, tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt bao nhiêu %.

A. Trên 60%

B. Trên 70%

C. Trên 80%

D. Trên 90%

Đáp án: C. Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt trên 80%

Câu 7: Theo Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 24/4/2024 của UBND huyện An Lão về chuyển đổi số huyện An Lão năm 2024, tỷ lệ các trường học có ứng dụng

công nghệ số trong công tác dạy học và hoạt động quản lý, sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí đạt bao nhiêu %.

- A. 70%
- B. 80%
- C. 90%
- D. 100%**

Đáp án: D. Tỷ lệ các trường học có ứng dụng công nghệ số trong công tác dạy học và hoạt động quản lý, sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí đạt 100%.

Câu 8: Theo Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 23/2/2024 của UBND tỉnh Bình Định về chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2024, tỷ lệ các bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt đạt bao nhiêu %.

- A. 70%
- B. 80%
- C. 90%
- D. 100%**

Đáp án: D. Tỷ lệ các bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt đạt 100%.

Câu 9: Theo Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 23/2/2024 của UBND tỉnh Bình Định về chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2024, tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt bao nhiêu %.

- A. Trên 30%
- B. Trên 40%**
- C. Trên 50%
- D. Trên 60%

Đáp án: B. Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 40%.

Câu 10: Theo Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 23/2/2024 của UBND tỉnh Bình Định về chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2024, tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt bao nhiêu %.

- A. Trên 40%**
- B. Trên 50%
- C. Trên 60%

D. Trên 70%

Đáp án: A. Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 40%.

Câu 11. Theo Quyết định số 505/QĐ-TTg, ngày 22/04/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Ngày Chuyển đổi số quốc gia là ngày nào?

A. Ngày 30 tháng 4 hằng năm.

B. Ngày 19 tháng 8 hằng năm.

C. Ngày 02 tháng 9 hằng năm.

D. Ngày 10 tháng 10 hằng năm.

Đáp án: D. Ngày 10 tháng 10 hằng năm là Ngày Chuyển đổi số quốc gia

Câu 12. Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh Bình Định về chuyển đổi số năm 2023, định hướng đến năm 2025, tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt bao nhiêu %?

A. Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt 70% đối với cấp tỉnh, 60% đối với cấp huyện, 55% đối với cấp xã; trên 55% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến.

B. Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt 80% đối với cấp tỉnh, 70% đối với cấp huyện, 50% đối với cấp xã; trên 60% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến.

C. Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt 90% đối với cấp tỉnh, 80% đối với cấp huyện, 60% đối với cấp xã; trên 70% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến.

D. Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt 95% đối với cấp tỉnh, 85% đối với cấp huyện, 60% đối với cấp xã; trên 70% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến.

Đáp án: A. Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt 70% đối với cấp tỉnh, 60% đối với cấp huyện, 55% đối với cấp xã; trên 55% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến.

Câu 13. Theo Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh Bình Định về chuyển đổi số năm 2023, định hướng đến năm 2025, mục tiêu nào sau đây không thuộc mục tiêu thực hiện đến năm 2025?

A. Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử trên 50%.

B. Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức khác trên 85%.

C. Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến trên 60%.

D. Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử trên 90%.

Đáp án: C. Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến trên 60%.

Câu 14. Theo Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ, đến năm 2025, trong “Chương trình chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” đặt ra mục tiêu: Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử là bao nhiêu?

- A. Trên 50%
- B. Trên 55%
- C. Trên 60%
- D. Trên 65%

Đáp án: A. Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%

Câu 15. Theo Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ, đến năm 2030 trong Chương trình chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đặt ra mục tiêu: Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử là bao nhiêu?

- A. Trên 60%
- B. Trên 70%
- C. Trên 80%
- D. Trên 90%

Đáp án: C. Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%

Câu 16. Theo Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, mục tiêu cơ bản đến năm 2025, tỷ lệ bao nhiêu % dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động?

- A. 70% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động
- B. 75% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động
- C. 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động
- D. 85% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động

Đáp án: C. 80% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động

Câu 17. Theo Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 23/2/2024 của UBND tỉnh Bình Định về chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2024, tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt bao nhiêu %.

- A. Trên 60%
- B. Trên 70%
- C. Trên 80%**
- D. Trên 90%

Đáp án: C. Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt trên 80%.

Câu 18. Theo Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ, đến năm 2030 trong Chương trình chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đặt ra mục tiêu: Kinh tế số chiếm bao nhiêu % GDP?

- A. 20%
- B. 30%**
- C. 40%
- D. 50%

Đáp án: B. Kinh tế số chiếm 30% GDP

Câu 19. Theo Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, mục tiêu nào sau đây không thuộc mục tiêu thực hiện đến năm 2030?

- A. Kinh tế số chiếm 30% GDP
- B. Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 30%**
- C. Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%
- D. Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về công nghệ thông tin (IDI)

Đáp án: B. Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 30%

Câu 20. Theo Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, mục tiêu đến năm 2025 hạ tầng băng rộng cáp quang phủ bao nhiêu % hộ gia đình, xã?

- A. Hạ tầng băng rộng cáp quang phủ trên 60% hộ gia đình, 70% xã
- B. Hạ tầng băng rộng cáp quang phủ trên 70% hộ gia đình, 80% xã
- C. Hạ tầng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 90% xã
- D. Hạ tầng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã**

Đáp án: D. Hạ tầng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã

Câu 21. Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Bình định có địa chỉ là?

A. congkichvucong.binhdinh.gov.vn

B. congkichvucong.binhdinh.gov.vn

C. dichvucong.binhdinh.gov.vn

D. dichvucong.binhdinh.gov.com

Đáp án: C

Câu 22. Hồ sơ hành chính điện tử là?

A. Hồ sơ được tạo ra, được nhận bằng phương tiện điện tử.

B. Hồ sơ được tạo ra, được gửi đi bằng phương tiện điện tử.

C. Hồ sơ được tạo ra, được gửi đi, được nhận, được lưu trữ bằng phương tiện điện tử.

D. Hồ sơ được tạo ra, được gửi đi, được lưu trữ bằng phương tiện điện tử.

Đáp án: C

Câu 23. Anh chị hãy chọn câu trả lời đúng nhất trong các câu sau đây?

A. Cơ quan cung cấp dịch vụ công trực tuyến là cơ quan tiếp nhận và thực hiện dịch vụ công trực tuyến cho người sử dụng.

B. Cơ quan cung cấp dịch vụ công trực tuyến là Trung tâm Hành chính công các cấp.

C. Cơ quan cung cấp dịch vụ công trực tuyến là các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện.

D. Cơ quan cung cấp dịch vụ công trực tuyến là các cơ quan đăng ký dịch vụ công trực tuyến mức toàn trình, một phần

Đáp án: A

Câu 24. Thời hạn có hiệu lực tối đa đối với chứng thư số của thuê bao cấp mới là bao nhiêu năm?

A. 5 năm.

B. 10 năm.

C. 15 năm.

D. 20 năm.

Đáp án: B

Câu 25. Nhiệm vụ chủ trì triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn chất lượng TCVN ISO 9001:2015 được giao cho cơ quan nào sau đây?

A. Sở Nội vụ

B. Sở Thông tin và Truyền thông

C. Văn phòng UBND tỉnh

D. Sở Khoa học và Công nghệ

Đáp án: D

Câu 26. Dịch vụ công trực tuyến có mấy mức độ?

A. 1 B. 2

C. 3 D. 4

Đáp án: B

Câu 27. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động là bao nhiêu?

A. 80% B. 85%

C. 90% D. 100%

Đáp án: D

Câu 28. Có bao nhiêu nhiệm vụ trọng tâm thực hiện về xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số quy định tại Phụ lục Quyết định số 4238/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND huyện Ban hành Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 28-KH/HU ngày 26/10/2021 của Huyện ủy về thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy?

A. 7 B. 8

C. 9 D. 10

Đáp án: D

Câu 29. Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ có bao nhiêu mục tiêu cụ thể đến năm 2025 lĩnh vực Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số?

A. 9 B. 10

C. 11 D. 12

Đáp án: B

Câu 30. Anh chị hãy cho biết có bao nhiêu nhiệm vụ lĩnh vực xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số trong Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy Bình Định thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 – 2025?

A. 12 B. 13

C. 14 D. 15

Đáp án: A

Câu 31. Anh chị hãy cho biết đâu là mục tiêu chủ yếu giai đoạn 2020-2025 trong Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy Bình Định thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 – 2025?

A. 90% hồ sơ công việc tại cơ quan cấp tỉnh, 80% đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện và 60% đối với UBND cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)

B. 100% hồ sơ công việc tại cơ quan cấp tỉnh, 90% đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện và 70% đối với UBND cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)

C. 95% hồ sơ công việc tại cơ quan cấp tỉnh, 85% đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện và 65% đối với UBND cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)

D. Tất cả a, b, c đều sai

Đáp án: A

Câu 32. Anh chị hãy cho biết nhiệm vụ đầu tiên trong Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy Bình Định thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 – 2025?

A. Tham mưu ban hành Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

B. Nâng cấp Công thông tin điện tử tỉnh đảm bảo liên kết, tích hợp các Cổng/Trang thông tin điện tử các sở, ngành, địa phương.

C. Đề án mô hình trung tâm dữ liệu dùng chung.

D. Tất cả a, b, c đều sai

Đáp án: A

Câu 33. Anh chị hãy cho biết đâu là mục tiêu giai đoạn 2020-2025 trong Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy Bình Định thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 – 2025?

A. 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền

B. 95% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền

C. 90% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền

D. Tất cả a, b, c đều sai

Đáp án: A

Câu 34. Anh chị hãy cho biết đâu là mục tiêu giai đoạn 2020-2025 trong Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy Bình Định thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 – 2025?

A. Triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của UBND cấp tỉnh, cấp huyện: 100% cấp huyện thực hiện họp thông qua Hệ thống này đối với các cuộc họp của UBND

B. Triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của UBND cấp tỉnh, cấp huyện: 95% cấp huyện thực hiện họp thông qua Hệ thống này đối với các cuộc họp của UBND

C. Triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của UBND cấp tỉnh, cấp huyện: 90% cấp huyện thực hiện họp thông qua Hệ thống này đối với các cuộc họp của UBND

D. Tất cả a, b, c đều sai

Đáp án: A

Câu 35. Anh chị hãy cho biết đâu là mục tiêu giai đoạn 2020-2025 trong Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy Bình Định thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 – 2025?

A. 30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý

B. 40% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý

C. 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý

D 60% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý

Đáp án: C

Câu 36. Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước có hiệu lực kể từ thời gian nào?

A. Kể từ ngày ký

B. 06/8/2018

C. 06/9/2018

D. 06/10/2018

Đáp án: C

Câu 37. Nội dung nào là trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông được quy định trong Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước?

A. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng, quản lý, vận hành Trục liên thông văn bản quốc gia; hướng dẫn thực hiện kết nối hệ thống quản lý văn bản và điều hành của các bộ, ngành, địa phương với Trục liên thông văn bản quốc gia

B. Bảo đảm đường truyền Mạng Truyền số liệu chuyên dùng cấp I thông suốt, ổn định đáp ứng yêu cầu gửi, nhận văn bản điện tử; xây dựng phương án triển khai mở rộng Mạng Truyền số liệu chuyên dùng; hỗ trợ kết nối mạng của các bộ, ngành, địa phương với Mạng Truyền số liệu chuyên dùng cấp I

C. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương sửa đổi, bổ sung, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản định về quản lý, sử dụng văn bản điện tử

D. Tất cả đều sai

Đáp án: B

Câu 38. Anh chị hãy cho biết Văn bản điện tử được hiểu như thế nào?

A. Là văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu

B. Là văn bản theo thể thức định dạng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định

C. Là văn bản được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy

D. Tất cả đều đúng

Đáp án: D

Câu 39. Anh chị hãy cho biết nội dung yêu cầu thứ 5 của việc gửi, nhận văn bản điện tử được quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước?

A. Văn bản điện tử phải được bảo đảm tính xác thực về nguồn gốc, sự toàn vẹn, an toàn thông tin, dữ liệu trong quá trình gửi, nhận, xử lý và lưu trữ

B. Văn bản điện tử phải được theo dõi, cập nhật tự động trạng thái gửi, nhận, xử lý trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành

C. Văn bản điện tử phải bảo đảm yêu cầu về thể thức và kỹ thuật trình bày theo quy định của Bộ Nội vụ, về định dạng theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông

D. Bảo đảm các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, an toàn thông tin và giải pháp kết nối, liên thông hệ thống quản lý văn bản và điều hành

Đáp án: D

Câu 40. Theo QĐ số 4691/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính huyện An Lão năm 2024, phần đầu đạt tỉ lệ bao nhiêu % đơn vị hành chính cấp xã chuyển đổi số ?

A. Ít nhất 20%

B. Ít nhất 30%

C. Ít nhất 40%

D. Ít nhất 50%

Đáp án A

Câu 41. Theo QĐ số 4691/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính huyện An Lão năm 2024, phần đầu tỉ lệ tạo lập hồ sơ công việc đối với các cơ quan chuyên môn cấp huyện và UBND các xã, thị trấn là bao nhiêu ?

A. Đạt 90% hồ sơ công việc đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện và 60% đối với Ủy ban nhân dân cấp xã được tạo lập dưới dạng điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

B. Đạt 80% hồ sơ công việc đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện và 50% đối với Ủy ban nhân dân cấp xã được tạo lập dưới dạng điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

C. Đạt 70% hồ sơ công việc đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện và 50% đối với Ủy ban nhân dân cấp xã được tạo lập dưới dạng điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

D. Đạt 80% hồ sơ công việc đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện và 60% đối với Ủy ban nhân dân cấp xã được tạo lập dưới dạng điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

Đáp án D